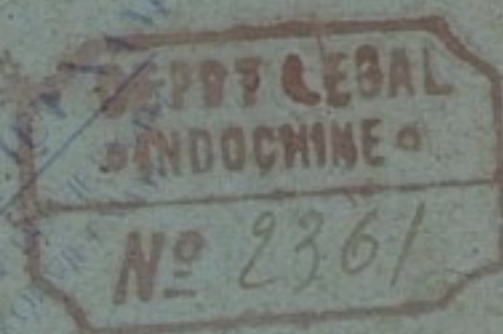


BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION

院書通普南越



NHẬT THỰC VÀ NGUYỆT THỰC

PAR

V. R. vân vân

N^o 2

PRIX : 0 \$ 25

Nam - định Học-Giới Bảo-Trợ ấn-hành



HANOI
IMP. MAC-DINH-TU
1924



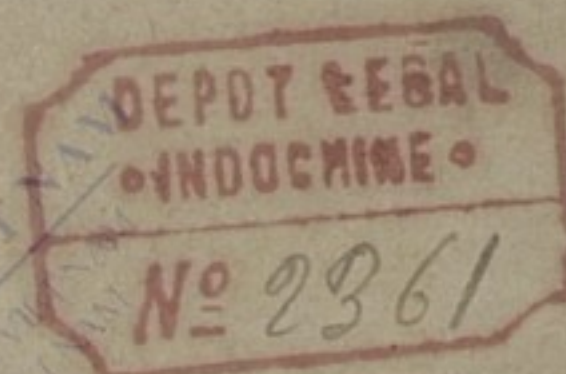
956 REI 485 523.2257

523.45

M. 3772.

BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION

院書通普南越



NHẬT THỰC VÀ NGUYỆT THỰC

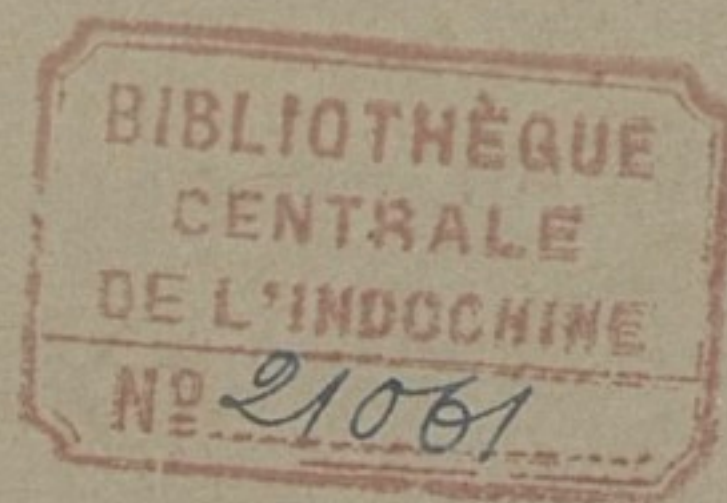
PAR

V. R. vân vân

N^o 2

PRIX : 0\$25

Nam - định Học-Giới Bảo-Trợ ấn-hành



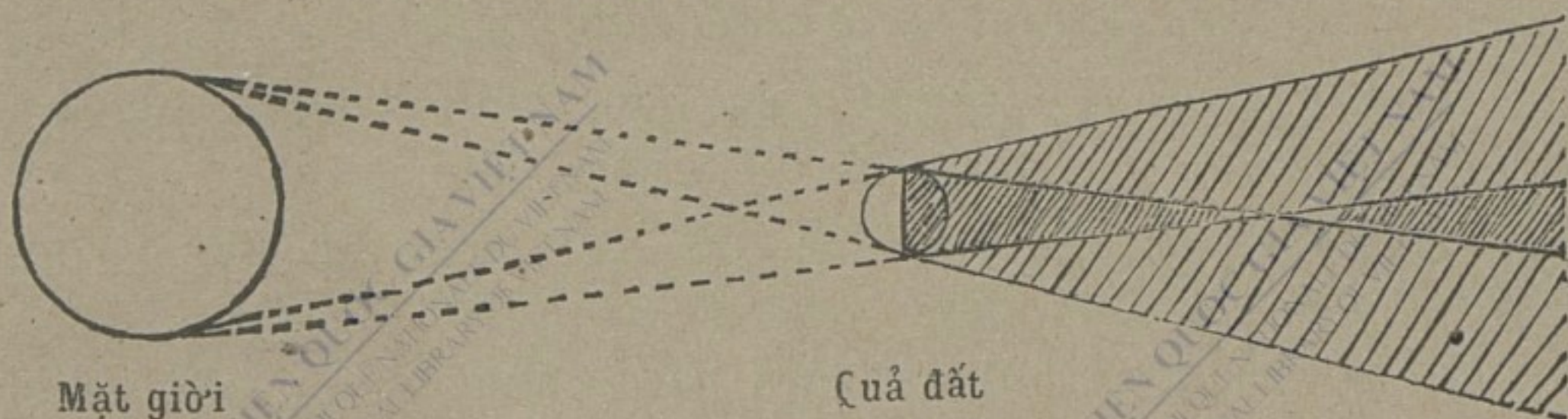
HANOI
IMP. MAC-DINH-TU
1924

186

NHẬT THỰC VÀ NGUYỆT THỰC

Như lần trước tôi đã nói quả đất và mặt giếng tự nó không sáng được, và phải chịu ánh sáng mặt trời, như đồ vật ta để trước ngọn đèn. Vậy các đồ vật ấy chẳng những bên nào đèn không soi vào thì tối, mà lại còn chiếu ra đằng sau một cái bóng tối in hình các đồ vật ấy. Nếu ta đứng bên bức tường trước có ngọn đèn thì sẽ thấy ngay bóng ta in vào tường. Mà các đồ vật ta để vào trong cái bóng ta « để khuất bóng » đều tối cả.

Quả đất hay là mặt giếng đứng trước mặt trời đều có chiếu bóng tối ra đằng sau cả; bóng ấy tròn mà dài như một cái cột tháp chung quanh nhật mà ở giữa thẳm (1).



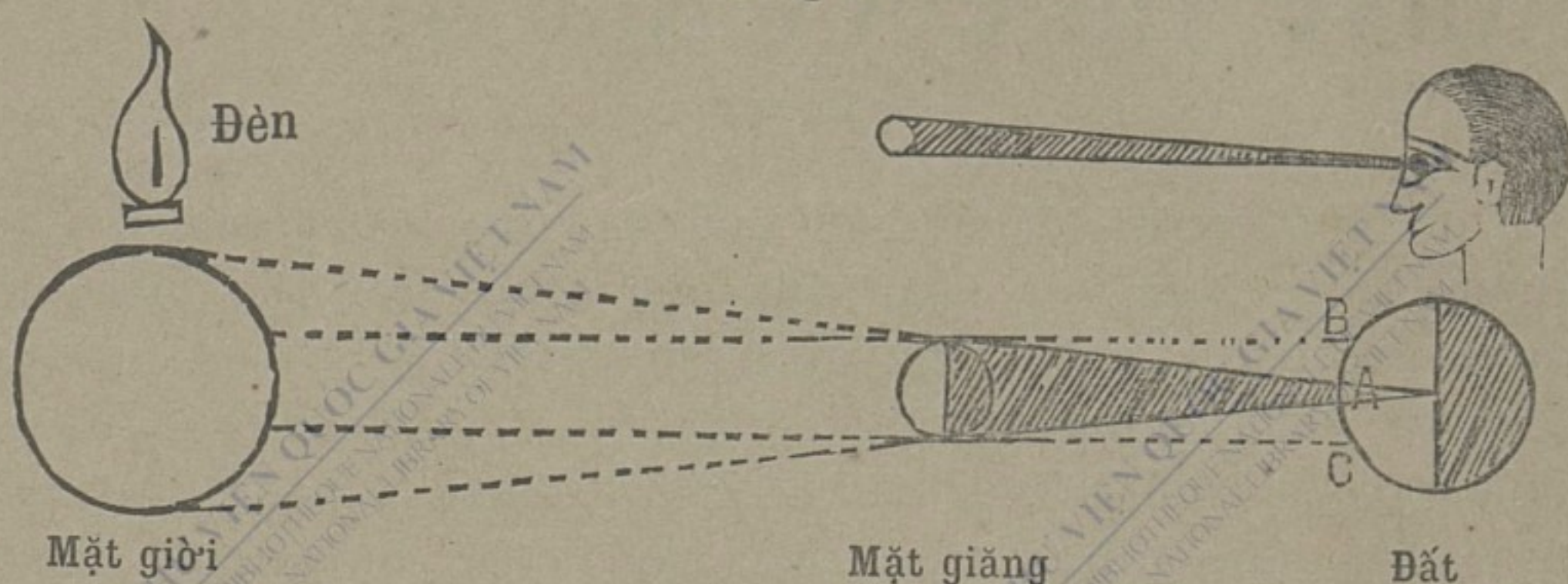
« Khi quả đất đi trước mặt trời cũng chiếu bóng tối ra đằng sau như mặt giếng, nên đây tôi tưởng lấy nguyên thí dụ mặt giếng là đủ. »

Bóng tối của mặt giếng hay là quả đất ta thường không trông thấy vì đằng sau giếng hay là đất không có tường vách nào để bóng ấy in vào.

Biết được như thế rồi, vậy bây giờ ta thử xét tại làm sao mà có nhật thực (mặt trời bị ăn) mà có nguyệt thực (mặt trăng bị ăn.) Thật rõ.

Nhật thực là tại khi mặt trời mặt trăng và quả đất đứng thẳng hàng với nhau mà mặt trăng ở giữa che khuất mặt trời cũng ví như ta đang ngồi viết mà có ai đứng che mất bóng đèn; hay là khi ta đang trông cái gì mà có ai đứng trước mặt che đi mất.

(1) Vì mặt trời to hơn mặt trăng và quả đất, cho nên bóng tối càng xa càng bé. Bóng người ta đứng trước ngọn đèn càng xa càng to, vì ngọn đèn bé hơn người.

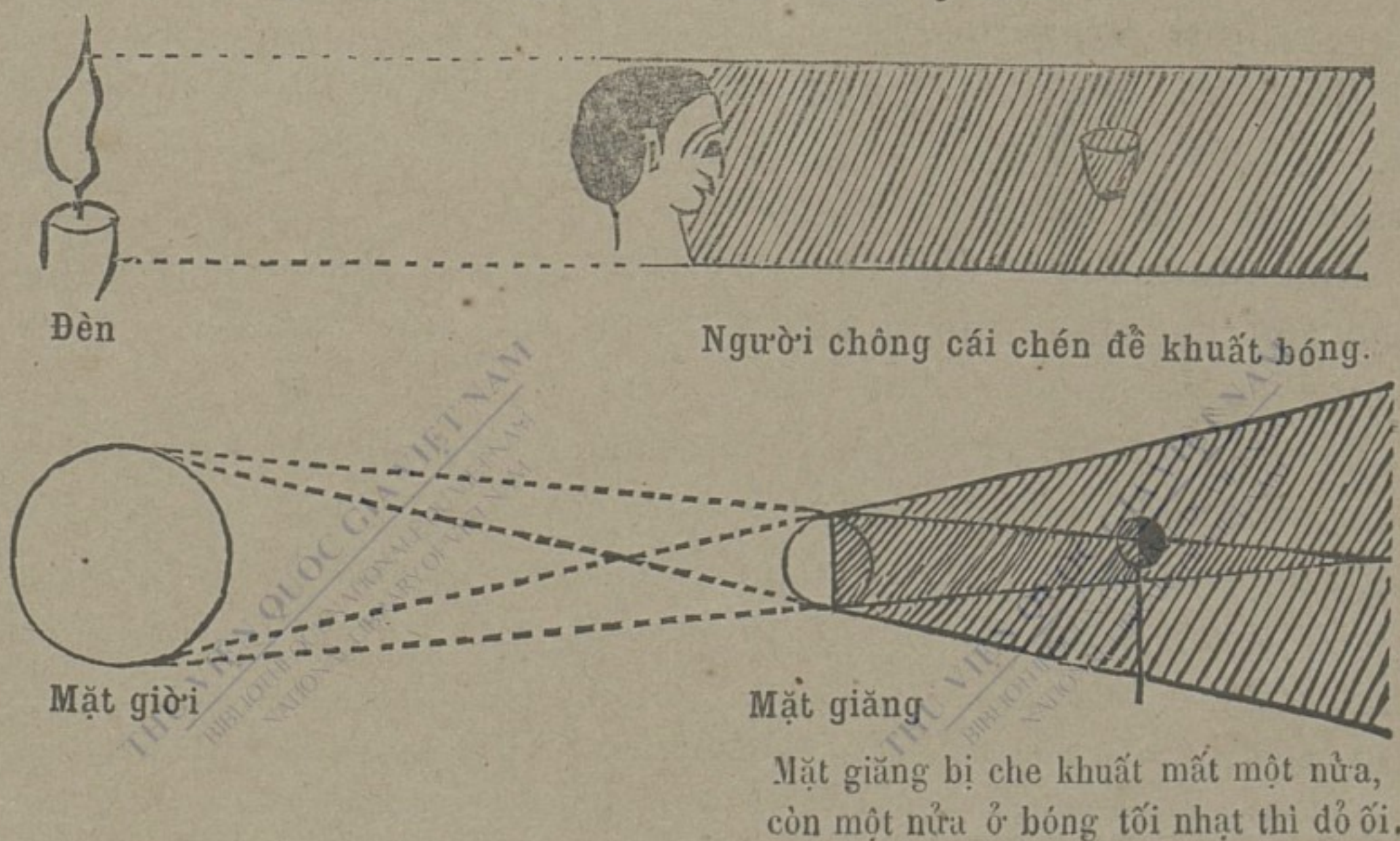


« Các dân sự ở chỗ chữ A thấy nhật thực, nghĩa là thấy mặt giời mất hẳn; còn ở chỗ chữ B và chữ C thì thấy nửa hay là non một nửa mặt giời, đây là lúc đầu và cuối nhật thực. »

Vì bóng tối của mặt giăng càng xa càng bé không đủ che cả mặt đất cho nên từng phương trông thấy nhật thực mà thôi. Cũng có nơi trông thấy mất hẳn mặt giời, có nơi trông thấy còn một nửa hay là già một nửa, hay là non một nửa.

Mặt giăng đi mà quả đất thì quay luôn cho nên nhật thực; cũng vì đó mà qua xứ này rồi đến xứ khác trông thấy rồi có khi mất hẳn.

Còn nguyệt thực thì tại làm sao cũng giống như nhật thực, nhưng có hơi khác một chút là lần này quả đất che mặt giăng, cũng ví như khi ta trông vào một vật gì mà đèn để đằng sau, bóng ta che tối vật ấy đi.



Vì bóng tối quả đất chiếu ra có chỗ giữa thẳm, còn chung quanh nhạt cho nên khi mặt giăng bị ám trước còn úa ra (đỏ) khi vào chỗ bóng nhạt, sau mới mất thật, khi vào chỗ bóng tối thẳm, sau khi đã ra khỏi chỗ khuất, còn đỏ một lúc nữa rồi mới sáng trong, vì mặt giăng lại phải đi qua một tầng bóng tối nhạt nữa.

Cứ như thói thường người ta thường bảo lúc trước mặt giăng đỏ là bị gấu cắn đau, sau mất đi là bị gấu nuốt, rồi sau lại đỏ là khi gấu nhả ra còn nhọc.

Vì tin rằng gấu ăn giăng, hay là gấu ăn mặt giới cho nên mỗi khi có nhật thực, nguyệt thực, các dân sự, kẻ chợ nhà quê đều đập thùng đập nong, làm ầm ỹ lên tưởng thể gấu sợ thì nhả mặt giới mặt giăng ra chứ không thì nó nuốt mất.

Cũng vì nghĩ nhầm như thế thành ra mỗi khi có nhật thực, nguyệt thực ta cho ngay là điềm gở, hoặc mất mùa, hoặc thiên tai.

Than ôi! một dân tộc như dân tộc Việt-nam trí khôn không đến nỗi kém, văn-minh chưa đứng vào bậc tai mắt trong hoàn-cầu, nhưng không đến nỗi hèn mà bây giờ còn mắc những điều nhầm to như thế thì cũng đáng thẹn thật.

Nhưng xét cho cùng thì nước nào dù cực văn-minh cũng chẳng khỏi nhầm: kia ông Galilée ở Ý-đại-lợi tìm thấy quả đất quay, nói ra cho thiên-hạ biết mà bị chúng làm khổ sở; ông Harvay ở nước Anh-cát-ly nói rằng: mẩu chu lưu trong mình người thì bị chúng chế nhạo.

Vậy ta có nhầm cũng là sự thường, song cốt là ta mỗi ngày biết được một cái nhầm, mà sửa đổi đi chẳng mấy chốc mà trở nên hay.

V. R.

ÔNG « MƯỜI - VOI » ĐI SĂN HÙM

Đoản-kịch chia làm 5 kịch

Bản kịch này là của học-sinh ban Thành-trung tỉnh Nam-dịnh soạn ra, bắt trước một hồi trong tiểu-thuyết Cartarin de Tairascon của A. Daudet tiên-sinh, đã mang diễn tại rạp hát hàng rượu, được công chúng hoan nghinh nhiều lắm, lối kịch này cũng là lối mới, các vai diễn ít, kết cấu nhanh, có thể diễn chơi trong nhà được. Thiết tưởng nay mang hiến độc-giả chư-tôn nhân lãm cũng tiêu khiển mua vui được vài phút đồng hồ.

Các vai diễn :

Ông Mười ăn bận lối đi săn; mũ lưỡi chai có gài đèn ló, quần áo tây vàng, thắt lưng đeo đạn, « ghệt » giày tây có cổ, để đóng danh tang chống; hai vai đeo hai khẩu súng đi săn, đạn ghém, súng quanh mình quàng chăn, đeo mã tấu, dao đi rừng, xoong, ca, thừng, « can » canne bít sắt nhọn, và một hộp lương rất to; cổ đeo một cái đồng-hồ báo thức.

Bang-Hùng, ăn bận lối tù-trưởng mạn ngược, có quyền thế, đảm lược; nón lông áo chùng, giày tầu.

Tổ đầy tớ Bang-Hùng, quần áo xanh như trên thổ, chân đi xà-hải.

* * *

Truyện xảy ra trong một khu rừng trên mạn ngược

KỊCH I

MƯỜI - VOI

Trước thì chông thấy Mười-voi nghe thấy lại tiếng súng nổ
Đoành ! ... Đoành ! ...

MƯỜI - VOI

(Có ý nhớn nhắc tim, tay cầm một khẩu súng, thở như người đã chạy) Tức thật ! ... Vừa rồi có con báo đại cỡ-lồ, chạy qua cái đồi kia, cách tới 2000 thước tây, tôi bắn hai phát, một phát trúng vào mắt tay phải, một phát tin vào chân trái, thế mà nó cứ chạy ... Báo rừng này khoẻ thật !!! ...
(Về bộ tim, rồi rút túi quần ra một cái khăn tay, chùi mồ

hỏi mặt, súng thì chống vào chân.) Hôm qua, tôi đi trong khu rừng kia, có một con lợn lòi đầu bằng cái thúng cái, sờ ra cách tôi 80 phân tây, tôi chơi cho một phát suốt qua đầu, đạn sang bên kia, gãy hai cành cây. Không nhanh tay thì bỏ mạng rồi!.. (Thở dài một tiếng, ngồi xuống một gốc cây; dịu-dàng:) Nghĩ săn bắn cũng nguy-hiểm thật! nhưng đã làm tài giai, phải từng-trải phong-trần nguy-hiểm mới thích.... (ngâm) « Có khi xuống biển kéo tàu lại, lắm lúc lên non công cộ về! » Bây giờ thế giới đang thương võ, không nhẽ ngồi ru-rú ở nhà như ai.... Tôi vốn là khách văn-chương, con nhà thi-phú. Cụ chín đời nhà tôi, xưa làm bạn với cụ Tô-dông-Pha, qua chơi Xích-bích với cụ, có để lại cho tôi 80 bài thơ... hay thật!... Thế nhưng mà ngồi bút có đâm chết được ai? (Hăng-hái đứng dậy vừa nói vừa làm hiệu) Phải đeo gươm.... đeo súng.... đi ghệt... phải mang nặng được dăm ba trăm ky-lô... phải biết đánh miếng « Phụ tử tương tùy »... phải biết múa đôi mã-tấu... phải biết bài bát xà-mâu của tầu... phải biết bài Jiu Jitsu của Nhật... phải biết miếng bốc Hoa-kỳ... phải luyện thể thao biết đánh tennis.... biết đá foot-ball.... đá tiền.... đá hậu.... đá tả.... đá hữu.... phải biết.... (ngừng lại nắm lấy súng, nhắm tay run lập-cập, nói không ra hơi) có hồ!... có hồ đi!!... (lom-khom nép vào một gốc cây, rơi cái « can ».)

KỊCH II

MƯỜI-VOI, BANG-HÙNG, TỎ

(Mười-voi nhắm súng, chợt thấy Bang-Hùng lại, đứng lên mạnh bạo nói) Tưởng là hồ, thích quá, tay run bật lên! Bang-Hùng thấy súng nhắm vào mình, hơi ngạc nhiên, lùi lại, một bước rồi mỉm cười, cứ ung-dung lại, thấy Mười-voi vãi chào.)

MƯỜI-VOI (sấn lại Bang-Hùng)

Bác có thấy con báo què chân chạy đằng kia không?

BANG-HÙNG

(Hơi nghỉ một chút rồi nói ngay) Dạ.... bầm có....
bầm ra báo.... ngài.... bắn què??...

TÊO

(Nhìn vào Mười-voi, có ý ngạc nhiên.)

MƯỜI-VOI

Phải.

BANG-HÙNG

Bầm... thế ra ngài đi săn báo?

MƯỜI-VOI

Hừ!... không!... tôi vẫn đi săn hổ kia.... nhưng thấy
báo bắn vài phát tiêu khiển....

BANG-HÙNG

Bầm... ngài săn bằng súng này?

MƯỜI-VOI

Phải!... súng này hiệu « Storyteller breach bader » tôi com-
mandé bên Anh-cát-lợi tại thành Washington....

TÊO

Trong khi hai người nói truyện, đứng đằng sau chủ, nhìn
Mười-voi chùng-chùng ra bộ lạ mắt thấy nói súng ống
nghênh lại coi. Bửu môi nói một mình, súng ấy bắn chim...
chứ bắn báo với hổ sao được!...

BANG-HÙNG

Bầm.... oao?... oao?... oao??!

MƯỜI-VOI

Hừ!... Hoa-thịnh-đốn bên Ăng-lê ấy mà!

TÊO

Ăng-lê?? súng Ăng-lê?! Ăng-lê mà súng ấy!!! loè nhau thật.

BANG-HÙNG

Bầm... ra súng này hiệu mới?!

MƯỜI-VOI

Ừ!.. súng này cực mạnh, bắn thủng 8 tấm « tôn » ... « tôn » mái nhà ấy!... mà rất đúng đi được... 875 thước tây... chín trăm... chín mươi 9 ly.

TỂO (*nói một mình*)

Tôi theo hầu ông tôi đã ngót mười năm, đi săn không biết bao nhiêu lần, dùng súng đến « Cờ-rúp » là nhất hạng trên đời mà chưa được thế!!

BANG-HÙNG

Bầm... quý hoá thật... Bầm... thế còn... (chỉ vào đôi dao).

MƯỜI-VOI (*đáp vào dao*)

À!... để săn được hổ thì lột da mang về.

BANG-HÙNG

(!!!) Bầm... (chỉ vào đèn ló trên mũ Mười-voi.)

MƯỜI-VOI

À!... đèn ló!... để săn đêm... chiếu vào mắt hùm, loá... mất chạy!

TỂO (*một mình*)

(Chúm chiêm cười) Có một!...

BANG-HÙNG

Bầm... (chỉ vào ngực Mười-voi.)

MƯỜI-VOI

(Nhìn vào đồng-hồ, vác lên nghe, nói:) Cái này à?... đồng-hồ báo thức... tôi hay đi săn đêm...

BANG-HÙNG

(Chỉ vào hộp lương) Bầm... cái gì mà to thế này... ý hăn ngài đã săn được con báo trong này hăn!

MƯỜI-VOI

Không!... đây là hộp lương... có thể ăn được 10 ngày

TÊO (!!!!) BANG-HÙNG

(Chỉ vào cuộn dây) còn « tam cổ » này... dễ ngài dễ chơi hồ.

MƯỜI-VOI

Đích thị!

BANG-HÙNG

(Nhìn vào giấy Mười-voi)! Bầm... di sản... ngài di giấy này... khi... nặng!...

MƯỜI-VOI

Thế mới đủ sức! Hôm nọ không có nó tý nguy! có một con hồ bằng con bò mộng sỏ đến, tôi chơi cho một cái vào mõm, ngã lộn tùng phèo!

TÊO (*nói một mình*)

Hình thù bằng « cái nhép » chơi gà chưa chắc đã chặt mà đòi đá ngã hồ kia!...

BANG-HÙNG

Bầm... thế ngài sản hồ... đã thạo lắm... có nhẽ trong các nhà biết cầm súng ngài đã sát được lắm sơn quân đấy nhỉ!

MƯỜI-VOI

(Nhìn vào ông Bang ra ý tìm, rồi nhìn vào bộ râu ông ta) Bộ râu ngài bao nhiêu gốc... ấy tôi sản được từng ấy hồ.

BANG-HÙNG

(Vuốt râu) nhìn! Bầm ngài sao nhiều thế, dễ ngài có biết Bang-Hùng là một tay săn có tiếng vùng này?

MƯỜI-VOI

Bang-Hùng ấy à... có... có... chỗ bạn thân đấy mà! Tôi đã chén với hán vài lần... nhưng... anh ta sản... cây... ấy mà...! lloạ mấy được con hươu vớ được bộ lộc là tốt!

TỎ (nói một mình)

Anh này là anh nào... có đến chơi với ông tôi bao giờ đâu... mà dám nói là quen!..

BANG-HÙNG

(Mỉm cười!) Bầm... thế thì ngài chẳng bỏ sẵn đây. Vùng này trước lắm cộp thật, nhưng nghe đâu Bang-Hùng, anh ta bắn đã gần hết, còn mấy con anh ta có ý để lại làm cảnh. Xin ngài đi bắn nơi khác hơn... Thôi xin phép ngài. (Vái một cái, quay mặt vuốt râu phớn-phở đi)— (Thằng Tỏ định theo chủ đi, vừa nhìn Mười-voi vừa xá một cái có ý nhạo!)

MƯỜI-VOI

(Nhắm thẳng Tỏ lại) Đây... bảo đây... thầy mày là ai mà ra bộ sọc thế??

TỎ

Ô hay!... con tưởng ông quen! ông Bang-Hùng con đây mà!

MƯỜI-VOI

(Bẽn-lẽn đánh trống lảng, rả cách quay lại) Có hồ!.... (bước rảo đi).

TỎ

(Nhìn theo rồi) Con xin lay ông cả nón!!.

KỊCH III

TỎ (một mình)

(Quay đi, thấy « can » của Mười-voi): Bỏ quên can đây.. Bộ ấy mà đòi săn hùm! Thằng cha này quích đây!... thế nào ông cũng chơi cho một vố.

KỊCH IV

Tỏ, Bang-Hùng

BANG-HÙNG

(Ở xa gọi lại) Tỏ! Tỏ! mày làm gì mà chậm thế?... Tao đi được một quãng chẳng thấy mày đâu... Tao tưởng mày đã sinh sự với người ta... Chỉ chỗ cái gì thế?

TỎ

Bầm ông... Anh ta còn giữ con lại hỏi ông là ai! Thế mà anh ta lại bảo anh ta quen ông!

BANG-HÙNG

Đời này thiếu gì thằng rởm!

TỎ

Bầm... nhưng con trông ngứa mắt lắm... Bộ ấy thì sẵn gì được!

BANG-HÙNG

Hừ... đời này thiếu gì thằng nói khoác... mà còn lạ gì những đứa cứ thấy người sang thì bắc quàng làm họ... Thôi... đi!

TỎ

Bầm... con lấy ông... ông cho con chêu anh ấy một mẻ chơi!

BANG-HÙNG

Thằng này mời lời-thôi chứ!... trông người ta làm gì?... chấp gì những bọn ấy? đi (Bang-hùng đi.)

TỎ

(Ngần ngại bỗng quay đầu lại [nhìn]) Lại giở lại!... được rồi... được rồi!... (nấp vào một bụi cạnh đấy.)

KỊCH V

Mười - voi, Tỏ

MƯỜI-VOI

À!... ra Bang-Hùng!... thế mà lại sẵn giỏi!... Lúc này có quên cái can đầu đây... (thấy cái can gần bụi chạy lại nhặt.)

TỎ

(Bắt trước tiếng hùm kêu). Hầm! hầm!!.

MƯỜI-VOI

(Rất mình, quăng cả can xuống, tay run lập-cập... đi rất lúi, nhón-nhác chông!.)

Thôi chết!!.

KỊCH VI

Mười - voi, Tèo

MƯỜI-VOI

(Cười nhạt ra ý bề!) À!... ra Bang-Hùng đấy!... Thế mà lại sẵn giỏi!... (ra bộ tìm) Lúc nãy ta đánh rơi cái «can» đâu đây... A đây!... (chạy lại gần cái bụi nhặt can.)

TÈO

(Thấy Mười-voi lại bắt trước hùm kêu) Hầm!...

MƯỜI-VOI

(Luống cuống) Thôi chết!... lom-khom đi rất lúi run lập-cập...

TÈO

(Lỏn lại đón đầu đằng kia, Mười - voi không chông thấy.) Hầm!!.

MƯỜI-VOI

(Rật mình, khiếp sợ quá, ngã lăn ra) Ồi làng nước ơi!! Cứu tôi với!!!!...

Màn từ-từ hạ xuống

ĐỜI NGƯỜI KHÔNG NGẮN

Ta thường phàn-nàn rằng: «Đời người thấm thoát» ta đem ví như mây tan, như nước chảy, như ngựa chạy, như bóng qua. Câu nói ấy hình như đã quá cũ đi rồi mà thành ra một câu sáo cho ta dùng mà ngậm ngùi thế-sự. Nay ta bảo đời người không ngắn, ta thử đem giải nghĩa ra xem có phải không?

Nếu ta lấy trăm năm mà so với thời-gian của vũ-trụ thì đời người chỉ là một cái chấm cỏn con; nhưng lấy trăm năm mà so với việc người thì đời người lại là dài lắm. Ta là người thì ta chỉ có thể so sánh việc người. Còn vũ-trụ có từ bao? Khi nào tiết? níc óc ta chưa biết đến thì ta không thể my bì. Ta không thể lấy giới-hạn từng năm mà làm thước đo lường được.

Ta bảo đời ngắn là tự ta đem làm ngắn đi. Đại khái như cậu học-trò mới vào ngồi giờ học thứ nhất đã muốn cho đến giờ học thứ ba; chưa hết ngày nghỉ này đã mong đến ngày nghỉ khác. Người «làm việc» mới sáng thứ hai đã mong đến chiều thứ bảy, chưa hết tuần lễ thứ nhất đã mong đến tuần lễ thứ tư, mà ngày nào cũng như ngày nào, công việc chỉ có ngắn ấy. Thành ra ta cứ xô đẩy thì-giờ chạy cho chóng mà hình như ta cắt từng khúc đời mà bỏ đi vậy.

Ta tưởng đời chóng là tại trong đời ta không có công việc gì lỗi-lạc đáng kỷ-niệm để làm mô mà đánh dấu lấy tháng ngày, cho nên lúc sắp từ trần, quay lại ngắm sau mình, tưởng như không có tháng ngày nào cả, cũng như người cả đêm chỉ ngủ thì có biết đâu là đêm dài, thành ra từ canh một đến canh năm tưởng như liền lại làm một khắc.

Tân-thư có câu: «Nhất nhật tu, thiên vạn kỷ» cho nên ta đã thấy có người công việc làm trong một phút mà vang lừng cả một đời. Vậy thì nếu trong đời ta lắm công việc, mà công việc làm trong một phút bằng làm trong một năm, công việc làm trong một năm bằng làm trong một đời, thì

ba vạn sáu nghìn ngày tưởng cũng đã là dài lắm, cũng đã đủ mòn chân, mỏi gối, long óc, nhưc dầu rồi.

Ông Nã-phá-Luân sống có 52 năm mà thành sống đến mấy trăm thế-kỷ; không những sống mấy trăm thế-kỷ mà có lẽ cũng lâu dài như non nước vậy, chỉ khác rằng sinh sau non nước mà thôi.

Vậy thì có thể bảo đời ngắn được không? Ngắn hay dài bởi ở ta mà ra cả.

A. S.

NGHIỆM PHƯƠNG TẬP BIÊN

Nhân đọc được nhiều bài chữa những người phải cơn nguy-cấp lúc trước thầy thuốc đều cùng những cách để phòng bệnh lây nên sưu tập lại đây tưởng không phải là việc vô ích.

I. — Cách phòng bệnh tả

1. Khi nghe rằng bệnh mới phát ra phải đi báo quan thầy thuốc.
2. Không nên dùng đến những thức ăn thức uống cùng các đồ dùng mà phân, tiểu người có bệnh đã dính phải vì trong phân, tiểu ấy có vi trùng bệnh tả.
3. Một ngày phải rửa tay nhiều lần cho cẩn thận, nhất là trước bữa ăn nếu đã bước vào phòng người ốm thì phải rửa chân cho kỹ càng để khỏi đem bệnh sang nơi khác, tại đất ở trong phòng đó uế bẩn.
4. Đồ sống sít chó nên ăn, rau sống quả sanh phải kiêng kỹ chỉ nên uống nước đun sôi để nguội hay nước chè loãng, đừng pha nước lã hoặc vào chè hoặc để cho loãng đi hoặc để làm cho nguội.
5. Trước bữa ăn cơm phải đun sôi bát đĩa cùng các đồ dùng khác về bữa ăn.
6. Chó giặt quần áo ở trong ao giếng mà người ta thường ghinh nước về ăn.
7. Nếu không cần phải đến nhà người có bệnh dịch thì chó đến làm gì.
8. Như cần phải săn-sóc cho người đau thời nên giữ gìn thân thể cho rất sạch sẽ, chó đi chân không, nên đi

dép da hay guốc gỗ để rửa lau cho dễ, đừng ăn cơm trong phòng người ốm, lấy nước sôi rồi lên phân tiểu rồi hãy đem chôn xa nhà hay là xa giếng nước ăn. Nếu những vật không tiện mang đi được thì nên lấy nước sôi mà tẩy uế. Đốt những chiếu chăn đã uế bẩn. Lúc người bệnh đã qua rồi hay lúc mới khỏi phải đốt áo quần đi hay đun sôi lên. Chung quanh nhà phải rắc vôi cho nhiều, lấy vôi quét tường và lấy nước sôi rồi lên giường người ốm.

9. Phải chà sát luôn rất mạnh cho người đau, cho uống nước nóng, thỉnh-thoảng cho vài giọt rượu mạnh, lấy chăn bọc khắp mình người ốm rồi lấy vài bọc gạch thật nóng để chung quanh người.

10. Lúc có bệnh dịch phải tránh tất các cơ có thể làm cho ta phải cảm hay đầy bụng chớ nên uống thuốc xổ luôn, hơi thấy úc-ích bụng dù rằng có dấu chỉ đáng ngờ nhưng cũng phải giữ-gìn cẩn thận.

11. Nên chọn chỗ đất cao ráo khô khan xa cách hồ ao để chôn người chết về bệnh dịch tả phải lấy nhiều vôi cho vào quan tài để trừ tiết nọc những vi trùng đi.

12. Có một thứ thuốc tiêm để chữa khỏi lây. Lúc có bệnh tả thời thuốc tiêm này ở nhà thương vẫn cho không.

II — Cách cứu cho những người chết đuối.

Có nhiều người vớt người chết đuối ở nước lên thì cứ thường để đợi quan đến không có chạy chữa gì, cái thói tục ấy rất là không phải và mang tội, thế nào cũng phải trừ, bỏ cái thói ấy đi. Trong luân-lý và đạo ăn ở với nhân loại thì ai cũng phải cứu giúp người ta trong lúc nguy cấp, cứu chữa càng mau chóng bao nhiêu thì lại càng kiến hiệu bấy nhiêu.

Cứ theo như cách thức nói ở sau này thì chắc rằng những người chết đuối mới ngã xuống ít lâu thì cứu khỏi được. Như ở bên Pháp một trăm người chết đuối thì cái phần cứu sống được đến tám mươi người, nhưng phải chạy chữa lâu có khi đến bốn năm giờ và có khi hơn nữa, như thế mà không được thì mới chịu.

Người say rượu và nhất là người ăn no mà ngã xuống nước thì khó chữa hơn người khác.

III. — Nói tóm lại cái cách chữa trước nhất và cách cấp-cứu

1. Cởi ngay quần áo người chết đuối ra và nếu cấp lắm thì xé ra.

2. Phải làm cho thở nước uống phải ra; như thế thì phải để người chết đuối nằm ngửa hơi quay về bên tay phải lấy ngón tay hay là cái que quần vải ở đầu, lùa vào miệng lấy những đờm, rãi và cát lấp ở cuống họng người ấy hay là ở miệng ra; cầm lấy trán mà hơi nghiêng đầu người chết đuối xuống; sẽ cây răng ra rồi thò ngón tay cho vào tận cuống họng làm cho buồn nôn để thở nước trong dạ dày ra để đầu thấp hơn mình người ấy để cho dễ thở nước ra nhưng không để thể được lâu, mỗi lần chỉ được vài giây đồng-hồ thôi. Rất không nên cầm chân người chết đuối mà sách lên.

IV. — Cách chữa để làm cho hô-hấp.

Có ba cách để làm cho hô-hấp; nếu lúc ấy mà có đồng người thì có thể làm cả hai cách thứ nhất một lúc được.

1. Để người chết đuối nằm ngửa hẳn ra sẽ vuốt đi vuốt lại bụng dưới mà vuốt ngược và hai bên vú để làm cho cơ thể chỗ ấy vận động như lúc người thường hô-hấp. Người phải để yên và mặt không được che đậy gì. Khi người chết đuối vọt ở dưới nước lên rất không nên lấy chiếu đắp kín mặt đi như là nhiều người ta vẫn hay làm. Nếu thấy người ấy đã hơi thở thì phải dừng ít lâu đừng có vuốt bụng và ngực nữa và chớ nên làm ngăn trở gì việc vận động ấy.

2. Cách kéo lưỡi ra, phải cây hàm ra rồi lùa miếng gỗ để cho răng đừng cắn lại. Lấy miếng vải cầm lấy lưỡi kéo mạnh thẳng ra ngoài miệng, nhưng đừng kéo mạnh quá. Trong một phút phải kéo đến 16 đến 20 lần vừa kéo ra vừa đưa vào mà phải theo như điệu hô-hấp của người kéo ấy. Thấy lưỡi mà đã hơi khó kéo thì ấy là sắp hô-hấp được.

3. Cách thứ ba cũng tiện rườm rà, như thế nếu người chết đuối mà ngã xuống tìm được chỗ đất dốc mà để người chết đuối nằm thì hay. Lấy cái chiếu hay là quần áo quần lại đệm ở lưng cho ngực đỡ lên rồi ngồi ở trước đầu cầm hai cánh tay người ấy ở gần khuỷu tay sẽ co lại dằng mình mà dang ra và dơ lên trong hai giây đồng-hồ rồi du đi du

lại sát vào mình và hai bên ngực người ấy, còn một người nữa thì bóp day từ ngực đến dằm sau. Cầm tay người chết đuối dơ lên thế là để cho không khí vào trong ngực, còn hạ tay người ấy xuống và bóp thế là để cho không khí ở trong ngực ra cũng bắt trước như sự vận động của việc hô-hấp.

Trong một phút du đi du lại như thế độ 45 lần, hề thấy thở thì thôi.

Trong khi người nạn cầm tay du đi du lại thì người kia đắp ủ lấy người chết đuối để cho khỏi lạnh đi và phải để gạch nóng ở bàn chân. Hễ người chưa tỉnh lại và chưa tự nóng thì đừng nên cho uống gì cả.

Còn nữa

Q. S. lai cáo.

MÃY NHỜI KHUYÊN HỌC TRÒ

Người ta có học thuật, mới có tư tưởng, có tư tưởng mới có sự nghiệp; vẫn là nhẽ công lý xưa nay. Người mới sinh cũng như lúa mới cấy; cấy lúa có biết cách vun giồng, thì cây lúa một ngày mới một tốt tươi, vụt thấy có hoa, có quả, người ta cũng thế. Vậy cho nên Chính-phủ nước nào muốn cho dân khôn, trăm đường dạy dỗ.

Nước ta, từ khi ông Sĩ-vương, dạy dân lấy lễ nghĩa, vốn là dân hay học, không như những dân mọi-đợ, cho nên Chính-phủ hai nước ngày nay, thể bụng dân, đặt ra mỗi tổng một trường, mong cho dân trí ngày một mở mang, nhón lên biết cách sinh-nhai, chứ không phải đi học, rồi làm ông quan, ông tham, ông phán, ông giáo, ông ký cả dàu, nếu làm cả việc ấy, thì việc canh-nông, việc kỹ-nghệ, việc thương-mại, việc làm ruộng, việc đi buôn, việc làm thợ có học thức thì cũng khác người không, và việc học ngày nay, muốn theo cho đến cực điểm, thì phải:

« Một là người có thiên-tư,

« Hai là người nhà có của,

« Ba là người có sức khỏe. »

Nếu thiếu một, thì khó theo đòi được, vả tôi xem các anh ở đây, cũng có con nhà giàu, cũng có con nhà sang trọng như mà tư chất tầm thường, lấy mà theo đòi việc học bây giờ cho đến nơi đến chốn, thì khó lắm.

Sự cần việc học của các anh bây giờ, chương-trình nhà nước đã định, tôi nói lược qua lại để các anh hiểu.

Học luân-lý để dạy biết cách làm người, học tạp vật để biết qua cách-trí, học địa-dư để biết qua xứ mình, mà tôi dạy các anh trong tuần lễ, đều là theo chương-trình nhà nước đã định, mà diễn giảng thêm ra đó thôi.

Các anh bây giờ nhờ ơn cha mẹ, đã cho đi học, đừng có buổi học, buổi nghỉ, các anh xem như cây thái-lài, dễ sinh nhất, một ngày đưa ra chốn nắng, mười ngày đưa vào chốn ẩm, thì cũng không sống được, việc học cũng thế đấy. Cổ ngữ có câu nói rằng: « *Ấu bất học lão hà vi, 幼不學老何爲* » nghĩa là: Lúc bé không chăm học hành, thì đến già chẳng làm gì được.

Các anh chớ bảo rằng học ở trường chốn thôn quê dăm ba tháng biết đọc, biết viết là đủ rồi đâu, chữ quốc-ngữ là thuộc tiếng của ta, nếu học được tinh tường cũng là hay lắm, sách có chữ rằng: « *Hành viễn tất tự nhĩ, đăng cao tất tự ti* » nghĩa là: Muốn đi phải từ chốn gần, muốn lên cao phải từ chỗ thấp. Chữ quốc-ngữ ta ngày nay, tức là chốn gần, chỗ thấp của nền học giới đó, dầu học chữ tây, đồ đến Cao-đẳng, đến Tiến-sĩ cũng từ đấy trước.

Các anh đây, đừng cho sự học quốc-ngữ là thường, rồi đến lúc lớn lên hối lại không kịp, các anh ạ! thế thì các anh đến học phải theo quy thức nhà trường, giờ học đừng có sòn-sao, khi tan học đừng trông ghẹo nhau, lúc đi học đừng nói thô-bỉ mà quen nét xấu đi, tôi vàng mệnh quan trên, về trường tổng hạt này, thẩm-thoắt đã 14 năm nay, học vẫn là tầm thường, chỉ có một mực, lúc nào cũng vàng thượng lệnh hết lòng dạy dỗ, cho nên khi trước, học trò trong trường đến bảy tám mươi tên đến năm nay anh em cũng đến được hơn 50 tên, trong bụng tôi lấy làm cảm tình lắm.

Tôi tưởng cũng không giám khi nào trễ biếng, xin anh em cũng nghe nhời khuyên bảo, trước nữa tôi cũng khỏi phụ lệnh quan trên, mà các anh cũng khỏi phụ công cha mẹ, thời tôi mừng lắm.

Bùi-long-Đồng

Tổng-sư Bình-lương

Sự tận tâm của các thầy giáo đối với sự học vấn của lũ thiếu-niên.

CHUYỆN ÔNG BÉT-TA-LÔ-DI

Một người trong những người yêu mến thiếu niên nhất và lại tận hiến cả thì-giờ tiền bạc và chính đời mình nữa cho sự học vấn của lũ thiếu niên, đó chính là ông Bét-ta-lô-di (Pestalozzi) vậy, mà cũng nhờ ông nên sự dạy dỗ ở các học đường cải-lương được nhiều điều quan trọng thứ nhất.

Ông (Pestalozzi) Bét-ta-lô-di sinh ở thành Duy-rich bên Thụy-sĩ năm 1746, ông thụ-giáo bà từ-mẫu được một tư tưởng là: « làm ích lợi cho kẻ đồng loại, nhất là những kẻ trầm luân. » Muốn tìm phương thuốc cứu khổ cho dân, trước hết ông nghiên cứu về phép « giáo luật » « Jurisprudence » hi vọng rằng phát-minh được điều gì có ích về việc cải-lương pháp luật để giảm bớt sự khốn-khổ đi. Chẳng bao lâu ông nhận ra rằng: vị thuốc thần hiệu đó không phải ở sự « canh cải pháp luật » mà chính ở sự « khai tri minh tâm » kia.

Ông nói rằng: « Người ta đặt ra các pháp luật tốt hơn cũng chưa đủ, có nhẽ lại uổng công, tương lai của thế giới là ở trong học-đường, thế thì các học-đường cần phải cải-lương.

Hình như có một cái tia sáng vụt qua trong trí, ông bèn nhất quyết làm kẻ gõ đầu.

Ông viết lại rằng: « Cái nghề quý hoá kia ời! Dễ thường mi là tốt đẹp hơn cả; chính my ta chọn. Ta sẽ quây quần các trẻ thơ lại, ta sẽ dạy dỗ, chúng ta sẽ yêu mến chúng và bởi đó ta sẽ làm được nhiều điều thiện như ta chiếm được cái vị-tri rất cao ở trong quốc gia.

Mê-man về cái trí quảng đại đó, ông họp lại được độ chừng tám mươi đứa trẻ nghèo khổ, đói rét, cầu bơ cầu bất, đói không có cơm ăn, rét không có áo mặc, không kể đoái hoài phải đi hành khất để độ thân.

Ông bảo chúng nó rằng :

« Các con hãy đến đây, ta dạy dỗ các con, ta sẽ cho các con các cách kiếm ăn lương thiện. »

Ông thật là người biết trọng nhời nói, ông nói sao thì làm vậy, ông bèn đưa chúng về cái cơ-nghiệp mà ông đã tậu để làm học-đường. Ông dạy dỗ và nuôi nấng cả những đứa trẻ ấy khốn thay ! ông chẳng được ai chợ-cấp được ít lâu cái tiểu gia-tài của ông đều khánh kiệt hết, nhưng cái phương pháp dạy dỗ mới của ông thì rất là mỹ miều, lòng ông thì rất là quảng-dại, ý ông thì rất là kiên nhẫn nên ông đã được kết quả là cảm hoá được hàng trăm đứa trẻ bồng-lông, trước kia dẫn mình vào nơi thối sấu nét hư mà thành được con người nết na thùy my.

Của ông hết, ông không lấy làm lo mà ông lại lấy làm mừng ông nói rằng. « Cái gia-tài của tôi tuy đã chuy lạc, nhưng cái « phương pháp giáo giục (méthode d'éducation) của tôi đã thành hiệu thì tôi lại giàu hơn ngày xưa vậy. »

Quả vậy chính cái phương-pháp của ông mà bây giờ phần nhiều trường theo. Đó cũng nhờ ông mà sự học tập chỗ nên dễ-dàng bao nhiêu, vui vẻ bao nhiêu cho những cậu dầu xanh tuổi trẻ.

Giả sử người khác thì đã nản lòng ngã trí, song ông Bét-ta-lo-di lại tìm cách sáng lập ra các trường mới mà bao giờ cũng được kết quả hay như thế cả. Nhưng mà đừng quảng-dại đó lại có những kẻ ghen ghét thù hằn, họ muốn làm hại ông nói dựng lên rằng : « Ông không biết viết, không biết tính đến đọc cũng chẳng nên thân. Còn ông thì rất là khiêm nhượng đáng yêu, ông bảo rằng : « Phải tôi không biết những sự ấy thật, song chính vì thiếu các trí thức đó nó bắt buộc tôi chế ra được cái phương pháp dạy dỗ rất giản tiện để dạy những người rất ngu-xuẩn. »

Song le, những người, hiếu kỳ và những nhà bác học ở tứ phương kéo đến để xem những học đường ấy mà người ta kể chuyện nhiều điều kỳ dị và để xem cái đứng siêu quần quản trị các học đường ấy.

Những kẻ nào đã được mục-kích thì không có thể nào không ngạc nhiên vì thấy những sự tấn bộ rất mau chóng của những học-sinh trong các ngành khoa học. Ông Bét-lo-di lại càng làm cho họ cảm phục về cách ông «phát vấn» và cách ông «chỉ giáo» Cái cách của ông rất là giản-tiện như ai cũng có thể làm được mà không ai ngờ rằng đó là cái điểm khó khăn, các cậu trẻ thơ học tập thì hình như không thấy công việc của mình.

Nếu ông Bét-ta-lo-di thấy cái danh vọng của ông càng ngày càng cao thì ông không thấy cái gia-tài của ông sinh sôi nảy nở được tý nào, ông có bao nhiêu tiền tài đều tiêu dùng cho lũ trẻ thơ hết cả ông mất năm 1827 rất nghèo khổ như cái thửa bình-sinh của ông vậy.

Sáp-mai

NGUYỄN - VĂN - THƯ

Chargé de l'école de Đệ Nhất (Mỹ-lộc)

BÀI CA KHUYỀN ANH EM CHI EM NÊN THÂN YÊU NHAU

Làm người biết có năm luân,
Anh em họ mạc xa gần nên thân,
Anh em như tay như chân,
Tay chân ắt phải ở gần mình ta.
Anh em cha mẹ sinh ra,
Ở sao hoà thuận mẹ cha mới đành.
Anh nên biết đạo làm anh,
Em nên biết đạo kính huynh mới là.
Anh em bảo nhau trong nhà,
Chớ hề to tiếng người ta chê cười.
Anh nói em phải nghe nhời,
Vì dù anh trái liệu bài khuyên anh.

Anh em đừng có tương tranh,
Tương thân tương ái là tình anh em.

Giời sinh máu chảy ruột mềm,
Anh em cốt nhục tương liên ấy là.

Chớ theo thế - tục người ta,
Kiến giả nhất phận sao là anh em.

Chớ nghe nhời vợ con dèm,
Đầu ai chảy nấy anh em ra tình.

Điền-gia có truyện Tử-kinh,
Vốn xưa em ở với anh một nhà.

Dưới trên anh thuận em hoà,
Tử-kinh cây vắn diêm dà tốt tươi.

Điền em nghe vợ những nhời,
Dục anh chia của lại đòi chia cây.

Đạo giời đâu bỗng lạ thay,
Một dèm cây bỗng gốc lay ngành vàng.

Anh em trông thấy cảm thương,
Cùng nhau lại hợp nhất đường như xưa.

Ngành vàng lá lại xanh ra,
Gốc lay trời héo lại là thêm tươi.

Suy ra thực cũng nhẽ giời,
Cây kia còn thế lọ người khác chi.

Tào-gia thơ trước còn ghi,
Đậu-ky-chử-đậu ai thì có khen.

Đường-gia Công-nghệ còn truyền,
Chín đời cùng ở tiếng khen muôn đời.

Cho hay đạo vốn ở giời,
Mà trong luân-lý ở người mà ra.

Mấy nhời khuyên nam - tử ta,
Lại khuyên nữ-tử nay là phân minh.

Anh em cùng cha mẹ sinh,
Như cây cùng gốc cùng ngành nẩy ra.

Cùng nhau máu mủ một nhà,
Đầu rằng giai gái cùng là chị em.

Chớ cay quý, chớ khinh hèn.
Chớ giàu làm chị khó làm em thôi đời.

Vả trong tục-ngữ có nhời.
Rằng là chị ngã đã thời em nâng.
Chớ rằng nữ-tộc ngoại-nhân,
Chín đời người họ còn gần chưa xa.
Cùng nhau vui vẻ một nhà,
Con em con chị phải là công nhau !
Giời sinh máu chảy ruồi bầu...

DƯƠNG - THẤP - HY

SỨC KHỎE (*la santé*)

Vừa rồi tôi có ra xem cuộc đá bóng thi của hai hội, người tây và người ta ở khu đất rộng mòng-mênh sau trại-lính. Trong khi tranh-đấu cùng sau khi cuộc tranh-đấu tôi có thể lấy đó mà phân-biệt cái sức khỏe của hai giống người.

Không cần phải giải bày từng ly từng tý về việc mình quan-sát rõ-ràng, có thể giả lời vắn-tắt rằng: « Các người tây khỏe lắm mà khỏe hơn ta nhiều » câu trả lời ấy không còn nghi-ngờ gì nữa!

Tục-ngữ Pháp đã có câu « sức khỏe là của quý nhất trần-đời » (*la santé est le premier des biens.*)

Thực thế có sức khỏe thì mới đương nổi việc đời, thì mới được cái hạnh-phúc hưởng tuổi giờ mà cùng nhân-loại chia những điều cay đắng, khoái lạc trong trốc nhân-gian! Một người mà không đủ sức khỏe thì thực chưa được hoàn-toàn nhân-cách; cái thuyết ấy thực không phải ngoa-ngôn vậy.

Muốn cho được theo thầy Đại-pháp chen vai với các nước trên hoàn-cầu tức là cái hi vọng cuộc khai-thác thuộc-địa cùng đất nước Bảo-hộ của nước Pháp thì ta phải cùng nhau tô-diểm hai chữ « Phú-cường ».

Một nước mà được Phú-cường thì trông mong ở dân; nếu dân mà nhu-nhược thì không sao noi tới mục-dịch làm cho nước được giàu mạnh!

Nước Việt-nam ta vẫn là một nước Văn-hiến, mấy nghìn năm nội-thuộc nước Tàu, dạy học chữ Tàu, nước theo phong-

tục Tàu, vẫn lấy cái địa vị ông đồ, cậu khoa, áo the giải lứt-mướt, tai gài quần bút lông làm trọng, làm đặc trí!

Các cô thiếu-phụ thấy các ông chồng lứt-mướt nhu-nhược quá đã phải xúc-cảm mà có câu rằng: « Ai ơi chớ lấy học trò, dài lưng tốn vải ăn no lại nằm..... » Thuyết-giả nói mấy câu này thực không phải có ý nhạo-báng công-kích các bậc tiền bối về phái nho-học đâu, vì cũng tự biết rằng: « Không có cái thời kỳ ấy sao ngày nay lại có cái thời-kỳ lắc-cắc, nhằng nháo!

Thì buổi nào, kỷ cương ấy, nếu ngày nay toàn sinh cái thú nằm dài ngâm thơ thì thực giám quyết rằng, không được đặc dụng! cứ thực tình mà nói thì lúc đó các ngài rất là đứng-đắn phong-nhã; ngoài lúc học kinh-sử thì giải-trí bằng cuộc cờ, chén rượu câu thơ, hoặc khi xem hoa nở, khi chờ giảng lên... Từ cách giải-trí đến cách ăn mặc nhất nhất đều nệ cái lễ ở trong, nên không có cái gì là mạnh mẽ hùng-tráng cả! Thực đáng trọng thay! đáng quý thay một cái mỹ-tục! Song tiếc rằng trong mỹ-tục ấy kém mất một cái « sức khỏe » nên thành ra còn chỗ khuyết-diểm vì cái sức-khỏe là một cái của báu thiết-dụng cho chủng tộc nho-phong yếu ớt như giống người An-nam ta vậy.

Đã nói sức khỏe là một của quý nhất trần-đời thì há ta lại không kíp cần mà tìm cho ra; vì sức khỏe là vật vô-hình, có hay không có, do tại ta cả!

Người ta muốn cho được khỏe mạnh mẫm mạp thì cốt yếu có ba điều này:

1. Tươi-tỉnh (la gaieté).
2. Điều-độ (la modération).
3. Thể-thao (l'éducation physique).

1. Tươi tỉnh. — Đã sinh ra ở đời thì không ai là không lo, vua lo việc trong nước, quan lo việc cai-trị, dân lo việc làm ăn! cũng vì cái lo ấy mà nó làm cho loài người thiệt biết bao nhiêu là năm, tháng, ngày, giờ, tức là làm cho hao-tồn, tinh-thần để cho cái già cái chết nó mà theo sau! Vì lẽ đó nên có thể lấy nét mặt mà đoán được cái phong-lưu, cái khổ-tâm của người ta!

Vẫn biết rằng: « Ai cũng có lo, nghĩ, song lo nghĩ những đều có thể lại làm cho hoàn lại được, hoặc mong rồi lại khỏi-phục lại được, thí-dụ nó có làm cho giảm chút sức khỏe song cũng cam-tâm. Còn ngoài có cái hi-vọng thì tưởng rằng ở đời việc gì chả tươi-tỉnh! việc gì mà mặt ủ, mày châu mà đeo phiền chất não....

2. Điều độ. — Ăn thực no thì tức bụng, thức thâu đêm thì ngày ngủ gật; chạy lâu thì chồn chân đều là không có tiết-độ cả. Dưới một ngọn đèn khuya trên một manh chiếu tùm năm tùm ba mà cò bạc thâu ngày suốt đêm thì sao gọi là tiết độ vệ-sinh! Ngoài những cò-bạc lại thuốc sai, giảng hoa, khi bình-khang lúc tửu-quán, miệt-mải trong cuộc truy-hoan đem huỷ-hoại tâm-thân bằng những cách giải-trí khốc-hại.... Trong mục này ta lại nên bàn cả về việc tảo-hôn! Việc tảo-hôn thực quan hệ đến nòi giống và sức khỏe! Giai sớm có vợ, gái sớm có chồng, trong xã-hội Việt-nam đều cho là một cái hạnh-phúc trong gia-đình! Tôi đã được mục-kích đôi vợ chồng nhà kia, chồng 19, vợ 17 mà đã gần ba đứa con! Song đứa trẻ không nói thì ai cũng biết là gầy còm-xanh-xao, quặt-quẹo. Ất trong toàn-bạt Bắc-kỳ thì cái số trẻ như vậy cùng cha mẹ thanh-niên như vậy không phải là ít.

Dân-tộc nhỏ bé nhu-nhược kém sức khỏe có lẽ cũng bởi đấy mà ra! Vậy thì tiết độ thực là cần cho ta lắm!

3. Thể dục. — Trong ba điều tối yếu của loài người ta đã thực-hành được hai, thì thể-dục là thứ ba ta há lại không làm được hay sao? công-việc nặng nề trong trường lao-động thì hình như khi làm đã có một khoa-học thể-dục ở trong; ta xem những bắp tay người cưa xẻ cùng lái dò, bắp chân người phu-xe thì rõ. Còn nghề làm việc bằng óc thì thực rất cần có thể-dục! Chiều-chiều ở các thành phố ta vẫn thấy có cuộc đánh quần, đá bóng của các quý quan, các ông đi làm việc các sở! Ở trường học thì ngoài giờ học văn-bài nhà nước lại mở khoa dạy thể-thao nữa.

Muốn cho được chân tay cứng-cáp sức vóc vạm-vỡ thì ta cần phải có thể-dục!

Cũng vì một cuộc đá bóng thi mà tôi viết bài này, giám mong rằng chư độc giả thể-tất những lời quê mà thiết thực chứ giám dàu đánh trống qua cửa nhà sấm, mua diu qua mắt thợ!

Nhất là những bậc thiếu-niên, tre già măng mọc, các cậu là cái tương-lai của xã-hội đó; chớ nên đem tự hủy-hoại tấm-thân bằng những cách giải trí càn giỡ; kíp nuôi lấy sức khoẻ để phòng bị mà đương nổi việc đời! Mong thay.

TỪ-SƠN

CÂU TRUYỆN VỀ VIỆC DẠY HỌC

(Giá trị của ông thầy)

Giá trị của ông thầy tùy theo cái học thức, cái tính chất cái đạo đức và cái tôn tước của mình.

Vậy ông thầy tốt là:

1. Người có nhiều học vấn, giáo thuật, minh biện, lực hành;
2. Người có nhiều mãnh lực, nhất tâm với nghề nghiệp, tận lực với nghĩa vụ.
3. Người có nhiều ái-tình với học trò.

Muốn nên một ông thầy tốt có giá trị cần có nhiều nết tốt:

I. Nết tốt về đức dục. — Nết tốt về tri dục là:

1. Biết nhiều hơn điều phải dạy;
2. Dạy học có qui củ.
3. Ra bài có thứ tự;
4. Chăm xem sách cho sự học của mình rộng thêm lên để khỏi mắc vào lỗi cũ.

II. Nết tốt về đức dục. — Nết tốt về đức dục lại nhiều hơn cần hơn và khó tập hơn nữa.

Trước hết ông thầy phải có lòng yêu trẻ. Thầy yêu học trò thì học trò lại yêu thầy, yêu mến học trò vui vẻ trước mặt chúng, thật là cái bí thuật của nghề giáo dục. Nhưng không nên lẫn cái tốt bụng với cái non gan.

Ngoại giả cái ái-tình, ông thầy lại phải công bằng, thầy yêu mến học-trò thì không nên tư vị kẻ nào để cho kẻ khác khỏi

sinh lòng ghen ghét, nếu có khen chê, thưởng phạt ai, ông thầy phải giữ cho công bằng rất mực.

Tuy vậy công bằng bất ngoại khoan thứ. Khi học trò phạm lỗi gì, ông thầy nên xét xem lỗi ấy bởi chứng vô ý, chứng bạo nghịch hay kẻ khác sui nên. Công bằng mà có khoan thứ như thế là hay lắm, nhưng khoan dung quá thì sinh ra hèn yếu mà hùng dũng quá thì sinh ra cục cằn, hai điều này càng phải nên tránh.

Ông thầy lại cần có một nét nữa : là nét kiên nhẫn. Đại phạm trẻ con có nhiều nét xấu muốn chữa ngay một ngày không được, phải cố mà sửa đổi dần-dần mỗi ngày một ít, miễn là đừng bao giờ nản trí, vì khi người ta đã dẹp được lỗi này thì phải trị ngay lỗi khác.

Tính kiên nhẫn nhiều khi thành tự nhiên ; muốn được kiên nhẫn thì đừng có gắt-gỏng, giận-dối, nóng-nảy, quát-tháo, đưa trẻ nhìn ông thầy thì biết lỗi mình ngay. Ông thầy có ba điều đặt tôn là : sỉ, đức và tước : nóng giận thì làm cho tôn tước của mình kém đi. Hoà nhã cũng đủ giữ được cái trật tự, cái kỷ luật và cái tâm phục ở trong lớp học. — Ông thầy phải nhớ rằng trẻ con hay bắt chước, vì thế nên làm gương tốt cho học trò.

Ông thầy phải làm gương chăm chỉ : sáng phải dậy sớm, dậy phải siêng năng, hỏi nghĩa, ra bài phải cho nhanh nhẹn. Ông thầy đi đúng giờ thì học trò cũng quen thói đi đúng giờ. Ông thầy chăm làm việc thì học trò cũng quen thói chăm làm việc. Lòng sốt sắng của ông thầy làm cho những học trò dẫu trễ nải đến đâu cũng sinh lòng hiếu học.

Ông thầy phải biết tự trọng, ăn mặc phải cho sạch sẽ, cho đứng đắn, cho nhũn nhặn, cho đáng yêu mến, thế là một bài học lễ phép cho lũ trẻ.

Ông thầy không nên nói những điều thô bỉ và phải nhớ rằng những trẻ có ý xem hạnh kiểm của mình luôn, nếu mình làm gương xấu thì là cái thế lực khôn nạn cho lũ trẻ.

Hoàng-giang : LÊ - NGUYỆT - ĐÁN

CHUYỆN NGƯỜI KIÊU NGẠO

Nhiều người mới học được đòi tí đã tự đại tự kiêu, coi giới bằng vung, khinh người như rác: người trên không kính, kẻ dưới xem thường, thậm chí táo gan ngạo mạn đến cả cha mẹ, sắc lão với cả thầy dạy. Người hữu tài vô hạnh đến thể thì dẫu văn hay chữ tốt, nhả ngọc phun châu cũng không ai dung được và thường hay phải mĩa mai châm chọc khốn khổ. Người có tật ấy đọc hai bài dịch sau này tưởng cũng sửa đổi cái tính mực hạ vô nhân đề đôi chút vậy.

I. — Lý-luận của một cậu học-sinh

Tên Mô là con một nhà nông gia phú hộ. Cậu này học ở trường kia mới được về nghỉ tết. Chiều ngồi ăn cơm với song-thân, muốn phô tài cách-tri. Nhân trên bàn có bày hai con gà, cậu tự đắc rằng theo phép lý luận và toán pháp, có thể cắt nghĩa ra được hai con gà hoá ba.

Ông thân-sinh cậu hỏi: Tính thế nào mà tài vậy được.

Cậu học trò ngông này đáp: Thừa cha, tuyệt dễ. •

Con này một là một, con này là hai, một với hai chẳng phải là ba là gì, nói rất nhời cậu cười như nắc nẻ.

Ừ, tài khéo thật, nhưng mà bây giờ con hãy nói cho thầy u biết rằng làm thế nào mà chia những con gà ấy cho ba chúng ta cho đều được nhỉ? Có nhẽ con khó giải được cái vấn đề này, để thầy giúp cho. U con nhận con thứ nhất, thầy nhận con thứ nhì, còn con thứ ba thầy u thương cho con vì con học hành thông giỏi.

Cậu Mô hiểu rằng cha mình nói thế là muốn sửa phạt mình nên chỉ từ hôm ấy về sau thành người nhũn nhặn đức hạnh.

II. — Một cậu học-trò kiêu ngạo

Một cậu học trò, nhân ở trảng học hành tiến tới lên mặt vênh váo, một hôm đứng trước mặt cha cả gan giâm lên bộ kiêu căng hay chữ.

Ông thân-sinh cậu nói: «Này con, học biết được nhiều vậy con học nhớ lấy làm lòng câu truyện thầy sẽ kể cho con đây nhé.

« Một ngày kia có một anh lùn được người cao lớn công,

thì trông thấy rõ ràng những phong cảnh ở đằng xa liền vỗ tay vào đầu người cao mà nói rằng: «Tôi trông rõ hơn bác.» Người cao lớn đáp: «Nếu chú không được tôi công thì chú có nói thế được đâu.» Người cha lại nói thêm: «Con ơi cha đây không phải là người cao lớn, như cha sinh thành ra con, chính cha đây cũng thường thường công con khi còn thơ ấu và hiện ngày nay cũng chính cha đây cấp chợ cho con, nuôi nấng con dạy bảo con, vậy con phải kính cha già con mới phải.

Lấy gì mà phán đoán một người là đồ đại là ngu xoắn? Lấy điều họ tự đắc họ giỏi hơn thiên hạ.»

Q. S.

CHÙA - THÁP

Chùa-tháp là một nơi thắng-cảnh danh tích ở tỉnh Nam-định. Gọi như vậy là vì ở giữa sân chùa có một ngọn tháp cao mười ba tầng; càng lên cao càng nhỏ dần coi rất là ngoạn mục mà kiên cố.

Chùa này ở làng Tức-mạc, huyện Mỹ-lộc cách tỉnh lỵ không đầy năm nghìn thước tây. Tuy ngọn chùa này dựng lên đã ngoài sáu trăm năm đến tận giờ mà coi cái sự kiến trúc lúc bấy giờ cũng có vẻ tình xảo tuyệt chừng, cứ như lời những người dân làng nói truyện thì cái tháp đó tuy cao như vậy, dòng qua xuân tới đã sáu trăm lần mà vẫn trơ như đá vững như đồng, tang thương biến cải, dầu sương giải nắng ngọn tháp cao không hề thay đổi! Nguyên là mỗi viên gạch có ba lỗ thủng, sâu ba sợi dây đồng buộc trắng viên nọ với viên kia, rồi ngoài trát vôi.

Chùa này phong cảnh rất đẹp đứng xa mà coi thì chẳng khác chi một bức tranh sơn vẽ trên tấm lụa da gò, có một nhà thi-sỹ đã có bài thơ hoài cổ chùa Tháp như sau này:

Hơn sáu trăm năm đến tận giờ,

Mà nền cổ trạch vẫn như xưa.

Trong sân dấu cũ nay còn ngựa,

Ngoài cửa bia đầu chẳng thấy rùa,

Mưa gió trải bao giàu lại bề.

Khói hương bền mãi tháp cùng chùa,

Đông-a ghi tích trông càng nhớ,

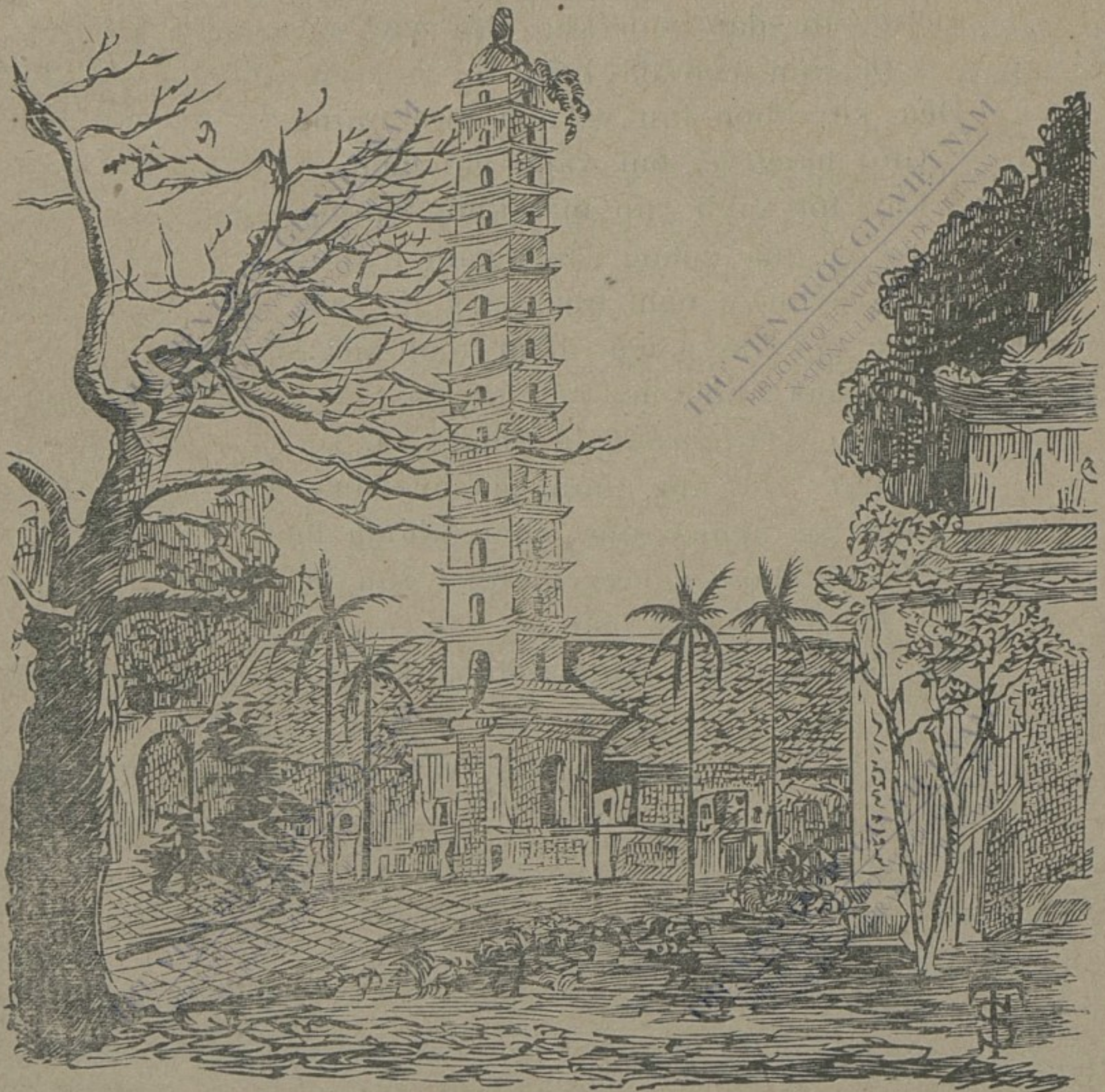
Kìa tượng nhà vua nọ biển thơ.

trong chùa chia làm hai nơi thờ, chùa chính ở đằng trước thì thờ phật mà chùa về phía dưới thì thờ các vua nhà Trần.

Gần chùa Tháp lại có nhà cổ-trạch của Đức Thánh-Trần tức là của Hưng-dạo Đại-vương danh Trần-quốc-Tuấn.

Thực là một nơi thắng-cảnh tưởng những ngày nhàn-hạ bà còn nên đến thăm cảnh mà hồi tưởng đến tiền-nhân đã vì hậu thế vì xã-tắc sơn-hà mà ra công đánh dòng giặc-bắc! Mạnh gương trung-hiếu, hai đôi mắt rộng, làn nước trong veo, ấy ai hoài-cổ.

TỪ-SƠN



BIẾT LO XA

Cậu học trò ăn xong quả táo,
Vắt hột đi ông lão nhặt liền.
Dem giồng dăm đất một bên,
Lòng thơ không hiểu cậu bèn cười chê,
Ít lâu nữa cậu về lối ấy,
Hột mọc cây to đầy một tay.
Ông già kia vẫn còn đây,
Gia công bón tưới hằng ngày trông coi.
Bụng cậu nghĩ: « Cự hoài công đó,
Hơi sức đâu chịu khó thế mà! »
Ôc non nào đã hiểu ra,
Đến khi khôn lớn về qua mới tường.
Giời nắng hạ bụi vàng gió quạt.
Cây tốt xanh rợp mát khúc đường.
Cậu qua quăng văng giậm trường,
Bóng cây ngồi nghỉ quả vàng lấy ăn,
Cậu tấm tức khen thầm khôn xiết:
« Cự già khôn mà biết lo xa. »
Bao người trong lũ chúng ta,
Trẻ thơ lơ dềnh, nhón, già ăn-năn,
Mầm sự nghiệp qua chân không biết,
Người khôn ngoan cúi nhặt sau ta.
Ở đời không biết lo xa,
Túi cơm giá áo sao đã được khôn.

Đức-vân Trần-hưng-Long

XÍCH - LÂN

Thửa ấy, về đời Minh-trị, thiên-hạ thái-bình, dân gian sung-túc, phong-tục thuần-hậu, tiên còn ở lẫn với người phàm. Ở châu Ái, có một thầy « khoá », người trông cũng tuấn-tú, thông-minh; sức học kể vào bậc khá, nhưng số-phận chưa thành, nên đường công-danh còn chắc-trở: đã mấy phen ra ứng-thí « hiếu liêm, » nhưng lần nào tên cũng đội người dưới bảng... năm đó, thầy đã ngót tứ-tuần. Nghĩ mình mang tiếng « tu-my » chẳng nhẽ cứ ăn lương chánh thất mãi?... Thầy bèn mở một lớp học cho qua tháng ngày, trước là lấy tiền đóng gạo, gọi là một chút đỡ-dần người nội-tướng, sau là ôn lại kinh-sử thánh-hiền mà giúp lũ thiếu-niên, gọi là mảy-may giả ơn xã-hội. Vì thế nên mới thành tên « thầy khoá »...

Hôm đó, buổi học xong rồi, giờ đã đứng-bóng, cảnh-tượng trong nhà gianh thầy có đều ử-ê vắng ngắt: trẻ học về cả, từ-tức còn muộn mà nội-tướng thì ngược xuôi các chợ kiếm lương. Thầy một thân một bóng, lấy chén rượu làm bạn cố-trì, trừng đã ngà-ngà hơi men; bát-giác quanh-quẩn nghĩ đến số-phận, so với anh em, còn kém xa, mà mình thì đã có tuổi rồi: kia bao nhiêu người đồng-học với mình, có lắm người sức học kể chẳng bằng mình mà nay người thì quan nọ, kẻ quan kia, ra dài vào các: còn mình thì vẫn long-đong, anh khoá vẫn hoàn anh khoá!... càng nghĩ bao nhiêu, càng căm cho số-phận, lại càng rầu-rầu trong dạ. Thầy bèn đứng dậy, khấn áo chỉnh-tề, ra ngoài hiên rút lấy cái cung và mười lăm cái tên giắt ở kèo nhà, định đi săn giải muộn, vì thầy tuy rằng văn-học, nhưng cũng võ-vẽ kiếm cung. Thầy ra, khép cửa lại, lững-thững đi... Đi mãi, hết đường nọ sang lối kia, chẳng gặp giống gì đáng săn cả. Sau hết, thầy rẽ vào trong một khu rừng gần đấy. Vào đến cửa bồng có một con thỏ trong bụi chạy ra. Thầy bắn một phát không trúng. Thầy đuổi theo, bắn luôn ba phát nữa cũng không tin. Thầy tức-khí cố miết theo hoài. Con thỏ sợ cuống, tai vểnh lên, ba chân bốn cẳng đào tẩu; được ít

lâu, rẽ sang một con đường nhỏ rồi mất hút!... Thầy hững hờ ra, tần-ngần một lúc, dừng chân nghỉ cho hết thở rồi giở ra về. Đường đi quanh quất, thầy đi mãi mà chưa đến cửa rừng; mà nghe trũng như đã quá chiều rồi; trong rừng đã ra ý tối. Nhưng thầy cứ vững lòng đi. Được một thời xa: trước mặt vẫn chỉ thấy những cây rậm. Bóng tối thì mỗi lúc một đậm, tựa như một cái màn đen dần-dần bao kín lấy thầy. Tỉnh không thấy một người nào, chỉ nghe tiếng gió động lá cây sột-sạt trên đầu, tiếng chim về tổ chanh nhau kêu riu-rít, tiếng gà rừng gáy, tiếng vượn véo-von, tiếng giế rúc-rích dưới chân... Thầy bấy giờ mới hàn-tâm. Hay là ta lạc đường? tức chạy vào không biết được mấy dặm, mà cũng chẳng hay cửa rừng về phương nào. Bấy giờ chung quanh kín-mít lá cây, biết đâu mà ngấm hương?... Thầy bèn quay lại thử nhận lối ra. Nhưng đường rừng, con nào cũng như con nào; lạnh-quanh lối nọ, lối kia, giở đi lại giở lại: trước mặt chỉ mông-mênh bát-ngát những cây cùng cây!

Lúc bấy giờ đã tối-mịt rồi, trông không còn rõ gì nữa. Thôi, chết! Thế này mới dở-dang chứ! Ở nhà thì vợ lo, không biết mình đi đâu. Mà mình thì làm gì bây giờ? Chẳng nhẽ leo lên cây ngồi xuốt sáng? Cây vừa to, vừa cao, chưa chắc đã chèo nổi! Chẳng nhẽ ngồi bó tay dưới đất? Trong rừng tất có thú dữ, tính mạng mình điều nguy chết!... Thầy sợ lắm, bủn-rúng cả chân tay, lạnh toát cả người, trống ngực đánh thình-thình. Làm sao bây giờ? Hỏi ai? Gọi ai? Có ai mà gọi, mà hỏi? Giá mà ông thần, ông thánh nào thiêng, xuống dẫn đường cho mình, thì mình cảm đức biết bao!... Ôi! Nếu mình ở nhà thì làm gì có cái lo này?!... Lại tự trách: đang yên thân, tự nhiên mua lấy cái bực! Đi săn làm gì? Đuổi thỏ làm gì? Săn chẳng thấy đâu, thỏ chẳng thấy đâu, đã mang vạ. Mai, vợ, học-trò, nếu có đi tìm mình mà vào đến đây, chắc chỉ thấy mảnh xương cộp bỏ sót lại... Thôi cũng là số-phận cả.... Chêu người chi mấy Hoá-công!... Thầy ngẩng mặt lên giới than. Chợt thấy như có một tia sáng về phía tả. Thầy ngạc nhiên nhìn lại, có một tia sáng thực! Nhưng không biết là gì? Sao hay là tinh! Chẳng có nhẽ là

sao, vì sao đâu lại mọc giữa rừng? Tinh cũng không có nhẽ phải, vì trông sáng như ánh lửa... Thầy nhìn kỹ. Thôi, phải rồi... Rõ là sáng đèn!... Thầy mừng không siết kể. Chắc có nhà nào ở đây rồi, có chỗ trọ đêm rồi!... Một người được cái tử hoàn sinh, cũng không sợ bằng thầy lúc bấy giờ. Thầy bèn giơ tay về đằng trước lần đường đi. Đêm hôm tối tăm, va cả vào cây. Thỉnh-thoảng tựa như con gi lù-lù to lớn, đứng sừng-sững trước mặt thầy, thò tay ra chực nắm lấy thầy. Nhưng bụng thầy hớn-hở mừng mất cả sợ. Thầy cứ bước bạo mà đi. Đi độ non trăm bộ, trông cái ánh sáng đã rõ, tựa như lọt khe cửa, toả ra ngoài...

Được một quãng thì vào một khu đất rộng, chung-quanh có những cây cổ-thụ to bằng mấy người ôm. Giữa khu đất có một toà nhà cao, dài, kiên-cố, trông trong tối cũng biết có vẻ vĩ-đại, nguy-ngã, có một cái cửa rất rộng, hai cánh hơi khe, ánh đèn chiếu ra sáng quắt, Thầy lại gần! bước lên mấy bậc đá gỗ cửa, cánh cửa ấy bằng đá, tường, thềm rất bằng đá cả... Thấy gỗ cửa vừa rút thì trong có tiếng đàn-bà, êm-ái, rìu-ràng, hỏi rằng: « Ai đó? Hỏi gì? » Thầy kể tinh-danh rồi thưa rằng: « Văn-sinh đi săn lạc đường xin làm ơn cho trọ một đêm. » Tiếng đàn bà lại bảo: « Để tôi vào bẩm đã. » Một lát, cửa mở ra, có một người con gái chạc 17, 18, tuổi rất xinh, đội mũ chân-châu, bận áo-lam, quần hồng, thắt lưng điều có mùi, đi hài xanh thêu kim-tiến, tay cầm đèn lồng đứng bên cửa đón vào. Vào trong cửa là một cái phòng rộng, hai bên tường treo nệm sập, thấp sáng trưng, thoang-thoảng có mùi ngũ-vị thơm ngào-ngạt. Có hai cái cột đá hoa xanh tròn trạm nổi, treo đôi câu đối sơn son thếp vàng. Giữa hai cái cột ấy có một cái kỷ đá, trên có một cái giá guơm, có hai thanh bảo-kiềm cân ngọc, một hòm sắc dài, trông bóng như khảm vàng. Về phía trên thì có một cái hoành sơn son đề ba chữ vàng đại-tự lối triện: « Xích-Lân-Cung » dưới treo một cái y-môn đỏ thêu bát-tiên, kim-kính lóng-lánh, và một cái màn song-khai bằng vóc đại-hồng, sau màn có một cái sập đá, trên giải thảm mã-nhục. Còn hai bên thì giá-cờ, chiêng, trống. Giáp hai bên tường

và trước kỷ, có hai hàng ghế bành-tượng, giải nệm đỏ, thêu long phụng. Người con gái đóng cửa xong, khoan-thai đi trước, dẫn thầy khoá ta sang bên hữu, vào một cánh cửa; qua cánh cửa ấy lại có một cái phòng nữa cũng rộng, bước chân vào thấy khói trầm, ngũ-vị hương nghi-ngút, cái phòng này cũng có nến thắp sáng trưng; có trắng một cái trướng điều thêu tứ-linh. Giữa tường có một cái sập đá, chân quỳ chạm, trên có một bà lão ngồi, tóc bạc như tơ, khổ mặt vuông, tai to, hai mắt xanh, môi đỏ như son, da nhỏ mà trắng hồng, trông còn tráng-khien lắm, bà lão ấy đôi mũi rất kim cương, ánh lửa chiếu vào, lóng-lánh như sao sa; mặc áo đại-hồng thêu hoa cầm-chương vàng; tay cầm một cái như-ý ngọc cấn vàng, ngồi tựa vào một cái gối ngọc, trước một cái tủ (như tủ trè ta) bằng đá trắng, trên bày ngũ-quả, một cái giá-gương đá, một lọ độc bình cầm mẫu-đơn và đào song-thọ; lại có một đôi nến sập vàng to bằng cổ tay. Bên mình có một coi dầu bằng ngọc-liệu, một cái ống-phóng cũng bằng ngọc, có bốn tên nữ hầu bằng chạc người con gái ra mở cửa mà ăn bận cũng thế... Trước mặt hành ngời, có một cái đảnh bằng đá, giữa bày một cái lư đồ mà bóng, khói bốc lên nghi-ngút, hai bên hai lọ hoa mẫu-đơn mới sơ khai đỏ troé. Trông ra thì có một cái sân rộng giống trúc cùng tùng, bách, mai, mẫu đơn, hai bên còn hai giầy nhà nữa...

Thầy khoá ta vào khúm-núm làm lẽ ra mắt, kể lẽ sự mình, bà lão nói: Đây không phải là nơi cho trọ, xưa nay không ai được vào: nhưng ta thấy nhà ngươi có ý thành-thực nên ta thương tình, rộng cho nhà ngươi lưu lại một tối. Nói đoạn bảo tên thị nữ rằng: «Mày đưa y sang thư-viện, bảo làm cơm cho y ăn.» Thầy khoá ta lạy tạ, lại theo tên nữ-tỳ đi... Sang đầu phòng bên kia thì đến thư-viện. Trông chẳng có gì trang hoàng cả. Giữa có một cái bàn đá trên đủ tứ-bảo, ống bút và một cây nến thắp. Sau có một cái giường đá giải nệm xanh viền đỏ. Sau giường, trên tường có một cánh cửa-xỏ để khe, trông xa-xa chỉ

thấy những bóng cây to. Hai bên tường thì có hai cái yên trên dầy những sách...

Thầy khoá ta lạ mắt, đang ngắm, bỗng cửa mở rộng ra có một tên người nhà, hình-dung cổ quái, da đen, tóc quăn rậm, mũi to, mắt trắng mà như có tia lửa bật ra, miệng rộng, quần áo lam đi giày cỏ, tay bung một mâm com vào, đặt lên giường, cần-khoản mời thầy ta, rồi lại ra. Thầy để cung tên trên bàn, rồi ăn. Thực là một bữa com rất quý: mâm ngọc, chén, bát ngọc, đĩa ngà bít vàng; các món ăn thì rất những thức lạ, thầy chưa từng được nếm bao giờ: có nem, có chả, nhưng không phải như nem, chả ta ăn; có thịt, có cá, có rau, nhưng không biết thịt giống gì, cá đánh ở đâu mà rau hái nơi nao, ăn ngon không siết kể? Lại có một nậm thủy-tinh dầy những rượu, vị ngọt mà mùi rất thơm. Thầy khoá ta trên xong, tên người nhà mang đồ chiết miệng mấy quả đào to bằng quả bưởi ta, cùng là các thức mứt và bánh ngọt làm rất khéo, rất tinh sạch, rất ngon. Thầy ta lấy làm lạ, ăn thì ăn, nhưng có ý trột dạ không biết đây là đâu? Sao họ trọng đãi đến thế?... nhà ma chăng? nếu vậy thì nguy.

Ăn xong nghe trừng đã khuya. Tên người nhà vào giọng rẹp, rồi ra. Thầy đóng kín cửa, định đi nghỉ, song, trong bụng sợ, nằm sao yên? Thầy bèn giở dầy, nhân có sách, mà tỉnh thầy ư sách lạ, thầy mới lại gần một cái yên, rút một quyển ra coi. Từ đầu chí cuối chẳng có gì, chỉ thấy chua, hôm nào mưa đâu, mưa từ mấy giờ đến mấy giờ; có chỗ lại thêm một hàng chữ son: sai Thiên-lôi-tướng đánh chỗ này, đánh tên này, quán tại đây. Thầy ta sợ lắm: chết! ta ở tại nhà thần mưa rồi, không biết thế nào đây?! nhưng đã chót, còn làm gì nữa? Vả chẳng ai như cách đôi - đãi thì chẳng có ý gì hung-dữ cả...

Đang coi sách, bỗng thấy tiếng ồn-ào, người nói người đi, ngựa hí, rất là huyền-náo. Thầy nghi-ky lắm, ghé tai vào cửa nghe, nhưng cửa đá mà dầy, chẳng nghe rõ gì. Một chốc thấy im, rồi lại như có tiếng bà lão nói... Được ít lâu thì có người đến gõ cửa. Thầy khoá ta kinh quá,

toát cả mồ-hôi ra, thôi ! chắc họ mang ra hành tội chứ gì !... phen này chắc chết !... Họ cho ăn lúc này no để bắt tử-hình đây mà !... lại thấy gõ cửa lần nữa, thầy phải mở, trong bụng chắc có tên thần-tướng sô vào, níu đầu ra chính phát... nhưng không, chỉ có tên nữ-tỳ lúc này cúi chào mà chình rạng. « Thừa tiên-sinh, cố tôi bảo tiên-sinh chưa ngủ thì thỉnh tiên-sinh ra, cố tôi cậy một việc gì... » Thầy khoá ta hỏi nó việc gì thì nó không biết, chẳng hiểu duyên-cớ làm sao, càng nghi lắm, bụng bảo dạ rằng: « Chắc ra vấn tội mình chứ gì... » nhưng cứ theo tên thị-tỳ ra xem làm sao.

Đến phòng, thầy ta coi nét mặt bà lão thì chẳng có vẻ gì bất-trắc cả. Bà lão vẫn ung-dung trên sập thấy thầy ta ra bảo thị nữ lấy ghế, mời ngồi và nói rằng: « Ta muốn cậy nhà người việc này, chắc nhà người tận tâm giúp ta... nhưng nhà người có biết cưỡi ngựa không? » — Thầy khoá đáp « Bẩm, vãn-sinh tuy theo đòi bút nghiên, nhưng cũng có tập cưỡi ngựa bắn cung. » — « Thế thì hay lắm... nhà người chắc làm nổi việc. Đáng nhẽ cũng chẳng phiền đến nhà người làm gì, nhưng nhà không có ai, sợ dĩ cậy được... Con ta hôm qua cùng cả gia-tướng, quân lính, chầy sang cung Tứ-hải Long-vương thị-yến chưa về. Vừa rồi có thiên-sứ Ngọc-hoàng, lại truyền chỉ đến giờ dần phải sang nam phương làm mưa. Bây giờ đã là giữa giờ Sửu rồi. Việc kíp, vậy nên nhờ nhà người chịu khó đi thế cho con ta. — Thầy khoá ra ý rụt-rè sợ. Bà lão thấy vậy bảo rằng: « Nhà người đừng e gì cả? không khó gì? đã có Xích-lân chỉ nghe nhời ta dặn là xong, nhà người cứ việc cưỡi Xích-lân đi... nhà người biết cưỡi ngựa, hẳn cưỡi được... ta sẽ giao cho một lọ nước và một cái thìa, khi nào nó trồm lên thì đổ cho nó một thìa vào mồm... may hôm nay, chẳng cần đến Lôi-tướng... » — Nói đoạn quay lại bảo tên nữ-tỳ, gọi nó giắt con Xích-lân vào sân đi. — Tên nữ-tỳ ra, một lát nghe tiếng như hổ gầm, kinh thiên động địa, lại có tiếng siêng sịch đồng loảng-soảng, rồi thấy một tên lính, hình dung dữ-dội, kéo vào trong sân, một con vật rất là kỳ-quái, mình cao bằng

ngựa, lông đỏ như sắc lửa, lại có vằn đen như vằn báo, chân mập có móng nhọn, cổ có bờm dài, đầu to bằng cái thúng đại, có hai cái sừng đen hai ngạc, mắt đỏ, lồi lên như mắt rồng, mũi to, mõm như mõm hổ mà rộng, nhe nanh dài bằng quả chuối tiêu to, lưỡi đỏ như huyết, đuôi toả ra như đuôi chũ. . . thầy khoá trông thấy, hoảng-hốt vùng đứng dậy. Bà lão mỉm cười bảo: « Sao học-trò mà lại nhát gan làm vậy? Nhà ngươi đừng sợ. Nó là giống ngựa, tuy hình thù sấu-sà nhưng hiền. . . » Rồi lại hỏi với tên lính: « Đóng yên chưa? » — Tên lính bẩm: « Đủ cả rồi! » — Bà lão liền bảo thầy khoá: « Thôi nhà ngươi sắp ra đi. . . vừa rồi đấy! » nói đoạn, quay lại mở tủ, lấy ra một vật gì, rồi đứng dậy, trống gậy gõ lê, cùng với thầy ta ra sân. Bà lão bảo thầy ta lên yên; thầy ta rụt-rè mãi mấy lên, tên lính đứng giữ hộ. Đoạn bà lão đưa cho thầy ta một cái lọ thủy-tinh cao bằng nửa gang tay, to bằng trên uống nước trè tàu, đầy một thứ nước trong vắt; và một cái thìa cũng bằng thủy-tinh nhỏ như cái hén, dặn rằng: « Đây lọ nước với thìa đây, nhà ngươi nhớ cho kỹ: khi nào con Xích-lân dừng lại thì đổ cho nó một thìa, rồi mỗi khi nó trồm lên lại cho nó một thìa. . . đủ năm thìa thì thôi, nhớ nhé! . . . Hết năm thìa thì đánh nó về. . . Nó thuộc đường rồi, đừng sợ. . . Thôi, nhà ngươi đi đi. . . Đừng trông xuống, cứ nhìn về đằng trước. . . Nó không làm ngã nhà ngươi đâu mà sợ. . . »

Tên lính giắt con Xích-lân quay đầu về phía nam rồi buông nó ra. Nó gầm lên một tiếng rồi nhảy lên. Thầy khoá kinh hồn, hoảng vía, choáng-vánh, tê-mê như trong giấc mộng. . . trông chung quanh cây cối nhà cửa, mỗi lúc một rẹp mãi xuống. Thầy ta nhớ nhời dặn cứ trông về đằng trước, con Xích-lân lên mãi, thầy khoá lúc bấy giờ như nhẹ bỗng người lên, mà vào trong thế giới khác, con Xích-lân lên đã khá cao, liền phi một mạch. . . Bỗng chạy gần rồi đứng lại. Thầy khoá hai đùi ghì chặt lấy yên, rót một thìa đổ cho nó, nó phun ra phì-phì to như tiếng sấm, một chốc nó trồm lên một cái. Thầy khoá lại đổ vào mõm nó một

thìa nước nữa. Đồ đã được ba thìa rồi. Thầy khoá bụng bảo dạ rằng: Nam phương là nơi làng ta nay đang khát khao mưa, nhân ta được làm mưa, nên cho thoả thuê để cấy cây và cái lọ này nhỏ như vậy thì đựng được mấy nôi nước? mà lại còn hẹn chỉ cho nó năm thìa? Ấu là ta đổ cả lọ... Trước còn lưỡng-lự sau đổ cả lọ vào mồm con Xích-lân thật!... nó phun một lúc lâu lâu hết, thầy liền quay cương về. Lúc bấy giờ vừa sáng rõ.

Về đến nhà trông mọi người ra ý buồn bã lắm. Tên lính ra giắt con Xích-lân vào, mặt ủ mảy chau, chẳng nói chẳng rằng; mấy tên nữ-tỳ gặp cùng là anh đầu bếp hôm qua cũng lừ-thừ im lặng, như không biết thầy ta về, vào đến phòng bà lão cũng ra ý rầu-rầu... Thầy ta ra mắt, bà lão cau đôi lông mày nhìn, trừng giận mà không muốn lộ ra, lắc đầu mà rằng:

«Nhà người làm hại ta! Thôi, đi ngay, kéo con ta về mà khốn! Thầy ta ngăn người ra, không hiểu ý tứ làm sao, giao giả lọ, thìa vào nhà lấy cung tên rồi chào ra về, có con nữ-tỳ hôm trước đưa đường.

Quái lạ! vừa ra khỏi cửa thì đến cửa rừng... nhưng làm sao mông-mênh những nước là nước! nước chảy như thác, nhưng cũng kỳ, không vào rừng, thầy ta đứng trên một hòn đá to, trông ra, mặt nước có sóng gợn như bể, chồi cả những cây to, lúc thì mảnh thuyền vỡ, lúc thì sác trâu bò chết đuối, lúc thì cả mảng rom rạ to như mái nhà nào!... Tuy không có gió nhưng trên gò thì mây vẫn đen như khói, trông rất là khủng-khiếp... một lúc có một chiếc thuyền đi qua. Thầy ta gọi vào, bảo chở về xã quán. Nhân hỏi tên ngư thủy mới biết rằng: đêm hôm trước bỗng nổi cơn giông, gió rất dữ, rồi đổ mưa như chút nước, trước còn mưa vừa sau mỗi lúc một nặng cơn không ngừng, sông không chảy kịp ứ lên, thành lụt chồi băng cả cửa nhà cây cối, xem ra người chết nhiều, tai hại không biết đâu mà kể.

Thầy khoá nghe nói mới biết lỗi tại mình hàn tâm, bảo tên ngư thủy kịp chèo cho nhanh về làng. Khốn nạn, về đến

làng, thì chẳng còn thấy dấu tích gì cũ nữa, nước chấm mái gianh nhà nào nhà nấy đổ xiêu đổ vẹo có lắm chỗ bắc sàn, lơ-thơ một vài người, mà tiếng khóc như đi. Hỏi thăm vợ, thì người ta bảo rằng: trong lúc phong-ba không biết có chạy thoát không hay là đã chết rồi !...

Thương thay ! chỉ có một lọ nước con con mà hại không biết bao nhiêu tính mạng, mà nhà cửa vợ con cũng chẳng còn.

C. P.

CHUYỆN NGƯỜI CÓ HIẾU NGHĨA

Có một ông Lãnh-binh, tính hay khoe-khoang, một hôm nhà có kỵ, mời các bạn đồng-liêu đến uống rượu. Nhân trường gần đây có một ông giáo mới bỏ về dạy học, ông cũng cho mời cả. Lúc đến đông đủ khắp mặt, trước khi uống rượu, thì ông Lãnh có đưa khoe cho khách xem cái sập thuốc bằng vàng mà ông mới mua được.

Đoạn rồi, trong một lát, ông muốn hút thuốc, lúc đi tìm sập thuốc thì không thấy ở đâu cả. Ông lấy làm lạ :^o Liền hỏi khách rằng : « Cái sập thuốc của tôi đưa các ngài xem lúc nãy cho tôi xin để tôi lấy thuốc. »

Mọi người ai nấy đều lấy làm ngạc nhiên ! rồi đứng dậy nhìn quanh mình và vô vào túi mà nói rằng : « không có ! » Rồi ai nấy đều vạch túi ra là có ý cho ông Lãnh xem. Duy có ông giáo thì biến sắc mặt đi, mà cứ ngồi lặng im, mọi người đều nhìn vào ông tất cả.

Ông giáo biết ý nói rằng : « Thừa các ngài, tôi không cần dở túi ra như các ngài vậy, vì rằng cái sập thuốc đó, tôi không cầm không xem đến, vả lại cái phẩm-giá của tôi còn bằng mấy vạn cái sập thuốc ấy. »

Lúc tan tiệc ra về, ai cũng nghị-luận về ông giáo, mà có ý nghi cho ông ta lấy, nhưng vì vô tang, cho nên không ai dám nói ra miệng mà ông Lãnh cũng không có phép khám xét người ta, đành phải chịu.

Hôm sau ông Lãnh mở tủ thì thấy sập thuốc ở trong tủ, liền nghĩ ra hôm qua mình mở lấy chai rượu, tay cầm sập thuốc để vào đấy, vội-vàng mang rượu ra rồi quên đi. Ông lại hỏi rằng

« Hôm qua khi ta hỏi cái sáp thuốc đó thật là đường đột quá, có lẽ méch lòng khách chứ chẳng không; lại nghĩ đến ông giáo lúc bấy giờ không chịu dơ túi cho mình xem, không biết là tại lẽ làm sao! »

Vội vàng cho người đi mời ông giáo sang mà nói rằng: « Thừa ông; cái sáp thuốc hôm qua, tôi đã thấy ở trong tủ rồi, trong khi hoảng-hốt không nghĩ đến, có thất-thố điều chi, xin ông thứ cho. Song tôi không hiểu tại có làm sao mà hôm qua mọi người đều có ý tỏ lòng thật thà, dơ túi cho tôi xem, mà ông cứ ngồi im lặng, là ý làm sao? Như thế thì ai cũng đều ngờ cho ông cả. Vậy xin ông cho tôi biết cái ý kiến cao thượng riêng của ông đó. »

Ông giáo trả lời: « Bẩm quan lớn, nay chỉ có một mình quan lớn với tôi, thì tôi xin nói thực; đáng lẽ ra cứ theo lối thể thường, mà giờ túi ra để quan-lớn xem như mọi người là phải. Song tôi thiết tưởng, tình khách chủ, quan-lớn đã có lòng yêu quý mà cho mời, không lẽ mặt mũi nào; mà đem bụng gian tham, cho nên tôi tự vững trong bụng tôi, mà tôi cứ ngồi nghiêm nhiên như vậy. Có một điều này cho nên trong lúc đương-đường có mọi người, mà tôi hơi có chút biến sắc. Vậy tôi xin nói truyện để quan lớn nghe: « Tôi vốn là một người học trò nghèo, nay nhờ ơn nhà nước mới bỏ về dạy học đây, lương bổng mỗi tháng chả có là bao, mà nhà tôi hiện có song-thân và các em tôi, cho nên tôi đến đây không dám ở trọ và ăn cơm hàng; cứ mỗi ngày tôi chỉ ăn một bữa sáng, còn nắm một nắm để ăn bữa chiều, cho đỡ phiền phí, vì mỗi tháng tôi phải gửi về nhà 10 đồng để phụng dưỡng song-thân tôi và các em tôi.

Bữa hôm qua, quan lớn có lòng yêu cho gọi đến ăn cơm, thì nắm cơm của tôi đó vẫn cất ở trong túi áo, bởi thế lúc trước mặt tôn khách, tôi không giờ túi ra, là tôi có ý không muốn cho ai biết cái cảnh ngộ bần-tiện của tôi, sợ nữa người biết ra thì chớ, kẻ không biết người ta lấy việc đó làm trò cười mà bình-phẩm, thì sợ nhục lây đến các bạn đồng sự khác chẳng! Cho nên trong lúc ấy tôi bối rối trong bụng mà ra mặt sượng-sùng.

Quan Lãnh nghe mấy lời tâm sự của ông giáo rồi bầy, lấy làm cảm động trong lòng mà nghĩ thầm rằng: « Ủ ông này có hiếu nghĩa thật! Biết cần kiệm không quản gì sự khổ, để lấy tiền phụng-dưỡng cha mẹ, và nuôi cả nhà, thế chả là hiếu ư? Biệt phận mình cam chịu nhục một mình, mặc người khen chê, chứ không chịu để nhục lây đến các bạn đồng sự khác, như thế chả phải là một người nghĩa khí hay sao? » Nghĩ xong ra lòng quý trọng bèn đứng dậy mà nói với ông giáo rằng: « Nhà tôi đây cũng gần trường, xin mời ông sang ở bên này, trước nữa tôi được thỉnh giáo ít nhiều về đường văn mực, sau là cho các cháu nó theo đòi lấy một đôi chút thì tôi rất lấy làm hân-hạnh quá. Ông giáo liền thưa rằng: « Quan-lớn đã có lòng yêu, văn-sinh này đâu dám chối từ. Vậy tôi xin về thu xếp đồ-dạ dọn sang. Nói xong cáo từ ra về. Đến chiều ông giáo dọn đến đấy. Quan Lãnh lại mở một tiệc, rồi cho người đi mời các khách hôm nọ đến dự tiệc, cốt có ý nói chuyện về cái sắp thuốc đã tìm được, để giải nghi cho ông giáo. Lúc bấy giờ ai nấy đều công nhận ông giáo là một bậc mô-phạm có giá-trị, rồi từ đấy trở đi, ai cũng tôn phục là một vị giáo-sư tài hạnh kiêm-toàn.

Xem như chuyện này thì mới biết rằng người ta không cứ gì là giàu sang hay là nghèo hèn, cốt lấy phẩm-hạnh làm đầu. Nếu hữu tài mà vô hạnh, tuy giàu sang cũng chẳng có ai quý trọng. Song nghèo hèn mà giữ được cái phẩm giá thanh cao, thì ai là người không muốn kết giao và tôn phục.

Những bậc hậu sinh nên lấy chuyện này để làm gương mà tu tỉnh lấy, rồi sau mới có thể mong có ngày trở nên một người có ích cho xã-hội vậy.

D. T. N.

LUÂN - LÝ TIỂU - THUYẾT

(Truyện tàu)

Anh em họ Hứa

Về thời Đông-Hán ở quận Cối-kê, một người tên là Hứa-Võ, cha mẹ mất sớm, để lại được ít gia tài và giám ba mẫu ruộng.

Bấy giờ Hứa-Võ mới 15 tuổi, dưới lại có 2 em, một em là Hứa-Phổ 7 tuổi, một em là Hứa-Yên 9 tuổi, còn thơ ấu chưa biết gì, cả ngày quần quýt theo anh. Hứa-Võ ngày thì đem đầy-tớ ra ruộng cấy - cấy giồng-giọt, tối về nhà lại thắp đèn đọc sách. Hai em tuy chưa biết gì, nhưng khi làm ruộng, cũng kèm ra cho đứng xem; mà khi học - hành thì bắt ngồi bên cạnh, cắt nghĩa cho các em nghe và dạy em lấy cách thảo thuận cùng nhau. Hễ có điều gì em không nghe thì lại thắp-hương quỳ trước bàn thờ cha mẹ khóc-lóc làm cho hai em phải cảm động mà nghe nhời.

Được năm, sáu năm hai em đều đã khôn lớn, trong nhà cũng đã hơi phong-túc. Có người khuyên Hứa-Võ lấy vợ thì chàng ta đáp lại rằng: « Nếu lấy vợ thì tất ở riêng cùng hai em, mà rồi tình vợ chồng đảm-thấm mà tình anh em phải nhạt-nhẽo, tôi không nỡ thế. » Bèn cứ ngày thì cùng đi cấy, tối lại cùng học, nằm cùng một chiếu ăn cùng một mâm. Vì vậy nên làng-mạc xa gần đều ngợi khen Hứa-Võ là một người hiếu-đề.

Họ lại đặt thành câu vè mà truyền tụng đi rằng:

Khen thay gã tuổi mười lăm,
Đêm siêng học sách, ngày chăm đi cấy.
Nuôi em dạy bảo nên hay,
Tuy là anh trưởng xem tày mẹ cha.

Tiếng ấy truyền mãi đi đến tai quan trên. Thời bấy giờ nhà Hán đương trọng khoa hiếu-liêm, hễ ai có nét hiếu hữu thì các quan phải tiến cử về triều-đình liệu tãi trọng-dụng.

Bởi vậy các quan trên đều dựng sớ tiến-cử Hứa-Võ. Triều-đình giáng-chiếu vời vào kinh cho làm quan Nghị-lang.

Hứa-Võ phụng mạng vua không dám chôi từ. Dẫn hai em phải ở nhà chăm chỉ học-hành cấy cấy cũng như khi có mặt mình. Hứa-Võ dặn cả gia nhân đầy-tớ phải lấy tín-nghĩa ở với chủ, rồi mới lên đường vào triều thụ-chức.

Đi không mấy ngày đã đến kinh-đô tràng-an, chốn kinh-đô nghe tiếng Hứa-Võ là người hiếu-hữu được vào làm

quan trong triều thì thiên-hạ tranh nhau ra xem mặt. Các quan trong triều dò biết Hứa-Võ chưa có vợ thì đều muốn mang con gái gả cho. Song Hứa-Võ nghĩ rằng: « Ba anh em ta, đều đã lớn tuổi mà chưa có vợ cả, nếu ta lấy chước mà không nghĩ đến em thì không phải là đạo làm anh. Và ta vốn nhà canh-độc (1), chẳng qua nhờ bước may mắn mà xen vào hàng triều-quan, nay kết hôn với con gái nhà đại gia, làm sao họ cũng cậy quyền-quý mà sinh ra lòng kiêu-ngạo, thì chẳng những làm bại-hoại nho-phong nhà ta, mà mai sau này em ta lấy con nhà bần-tiện thì trong chị em dâu với nhau cũng khó ăn ở cho tử tế được. Xưa nay anh em trong nhà bất-mục, phần nhiều cũng bởi đàn bà mà ra. Trong bụng nghĩ vậy, bèn từ hết các chỗ dòi gả con, mà nói thoái-thác rằng: « Ở nhà cũng đã định-hôn có nơi rồi, không dám tham phú quý mà quên người tao-khang.» Ai ai nghe được truyện ấy, lại càng thêm kính trọng. Hứa-Võ lại là người học rộng, kiến-thức cao-minh. Phàm triều-đình có việc lớn-lao, các quan không quyết-định xong, thường-thường phải hỏi đến Hứa-Võ. Hứa-Võ dẫn-dụ nghĩa-sách, việc gì cũng hợp vào trí-ly. Không mấy năm, làm đến Nghự-sử Đại-phu. Một hôm nghĩ đến hai em ở nhà, học đã lâu mà không thấy châu-quận tiến-cử hay là em trề nhắc việc học chẳng, bèn đứng sớ xin từ chức về thăm nhà. Thiên-tử bằng lòng cho về nghỉ tạm ít lâu. Ngài lại thưởng cho 200 cân vàng để về cưới vợ. Hứa-võ lấy tạ ơn vua, giở về làng cũ, trăm quan tiễn ra khỏi cõi, rất là vẻ vang. Hứa-Võ đã về tới nhà, trước hết thăm nom phần mộ ông bà cha mẹ, rồi nộp giá cáo sắc, nói thác là có bệnh, không thể làm quan được nữa. Qua mấy bữa, nhân khi thông thả, gọi hai em đến trước mặt, hỏi xem học hành làm sao. Hứa-Yên, Hứa-Phổ, bấy giờ học hành đã tấn tới lắm, hỏi đâu nói đấy, không sót chỗ nào. Hứa-võ mừng lắm. Lại xét đến sổ ruộng nương thì đã khác thác thêm gấp hai, ba phần khi trước, ấy cũng là bởi sự cần kiệm của hai

(1) Canh-độc là nhà thường dân có nghề cấy ruộng sinh-nhai.

em. Hứa - Võ bèn tìm kiếm có nhà tử tế trong làng, lấy vợ cho hai em trước, rồi mình mới lấy sau.

Được vài tháng gọi hai em ra bảo rằng:

— Anh em không lẽ ở với nhau được mãi. Nay ta cùng hai em, cũng đã có vợ cả rồi. Vậy thì ruộng nương nhà cửa, nên chia ra mỗi người một phần để cho ai có cơ nghiệp ấy.

Hai em dạ dạ xin vâng lời anh. Hứa-Võ bèn kén ngày làm tiệc rượu, mời các bô-lão trong làng đến. Uống rượu nửa chừng, Hứa-Võ cho đòi hết tới trước mặt, rồi đem hết gia-sản ruộng-nương, chia làm 3 phần. Trước hết Hứa-võ nhận lấy cái nhà rộng, nói rằng: «Ta đã làm nên quan sang ngoài cửa nên giàn đồ lộ-bộ, để cho nghiêm túc. Còn hai em thì cấy cấy làm ăn, ở cái nhà gianh kia cũng đủ.» Kể đến số ruộng, bao nhiêu ruộng tốt anh chiếm lấy cả, còn ít ruộng xấu chia cho hai em, nói rằng: «Ta dao-du rộng, quan-khách nhiều, phi thể không đủ chi tiêu; còn các em nuôi một vài miệng, thì ruộng ấy chịu khó mà làm cũng đủ ăn, và ta không muốn cho hai em nhiều cửa rồi sinh ra thất đức.» Kể lại kiếm đến bộn nô-bộc thì anh chiếm lấy hết các đũa mạnh-mẽ khôn-ngoa, nói rằng: «Ta phải cỏ những tên này mới đủ sai-khiến, các em làm ăn, dùng mấy đũa ngốc dại kia cũng xong, không cần-dùng nhiều người mà tốn cơm áo.»

Các bô-lão thấy Hứa-Võ phân gia-tài không công, phần nào cũng gắp năm vợ mười lấy ích một mình, lại có ý khinh bỉ kiêu-ngạo với em nữa thì ai lầy đều mang lòng bất-bình. Chỉ đợi hai em cãi lên câu nào, sô lại mà bình vực đỡ cho.

Các bô-lão chờ xem anh em nhà Hứa-Võ có tranh-danh gì nhau thì để đồ ra phân giải. Song không thấy hai em nói gì cả. Nguyên là Hứa-Yên, Hứa-Phổ từ thừa nhỏ nhờ anh dạy bảo, biết đường hiếu-đễ. Nay thấy anh chia của như thế, đều cho là hợp lẽ chính-đáng, không ai phản-nàn nửa nhời, các bô-lão thấy anh em hoà-thuận với nhau cả, thì cũng chẳng nói gì nữa, ai nấy từ-biệt giở về.

Hứa-Võ ở trong nhà to chính giữa, còn hai em thì mỗi người ở một gian nhà nhỏ phía bên. Hai em cứ diễm-nhiên như không, ngày thì làm ruộng, đêm thì đọc sách, có nghĩa gì không hiểu thì lại hỏi anh. Trong mấy chị em dâu, cũng học theo tính chồng, trên thuận, dưới hoà, ăn ở với nhau rất êm-ái từ đó, các bô-lão trong làng đều có ý khinh bỉ Hứa-Võ, mà thương cho hai người em. Bàn riêng với nhau rằng: Hứa-Võ là hiếu-liêm giả, như hai em kia mới thực là hiếu-liêm.

Trong làng ngày xưa có tiếng đồn rằng: « Hiếu-đề Hứa-Võ, » nay họ đổi đi một chữ « Võ » mà đồn rằng: « Hiếu-đề Hứa-gia. » Té ra Hứa-Yên, Hứa-Phổ lại nổi tiếng hơn anh. Thời nhà Hán trọng nhất là tiếng khen chê của miệng thiên-hạ. Hễ ai có điều gì, thì lập tức hiện ra câu ca tiếng nói.

Bây giờ họ có câu ca rằng:

Hiếu-liêm giả, làm nên quan,
Hiếu-liêm thực vẫn gian-nan,
Hiếu-liêm giả, xe ngựa nông-nghênh,
Hiếu-liêm thực, một gian nhà gianh.
Hiếu-liêm giả, vườn rộng mông-mênh,
Hiếu-liêm thực, cây cầy thương tình.
Thực là ngọc, giả là sành,
Sành sao quý hoá, ngọc đành bỏ rơi?
Thực chỉ cho uổng một đời!

Thôi thì giả cũng nên người vinh-hoa!

Khi ấy gặp nhà vua xuống chiếu cầu hiền. Quan Huyện-linh vốn đã biết tiếng Hứa-Yên, Hứa-Phổ là người hiếu-hữu, lại có các bô-lão công-cử cho y thực là hiếu-liêm, quan Huyện-linh bèn tiến hai người ấy lên quan Thú-mục⁽¹⁾. Các quan Thú-mục cũng đã nghe tiếng hai người, bèn tiến lên Triều-dình. Nhà vua sai quan đem vàng bạc gấm lụa đến tận nhà mời hai người ra; Hứa-Yên, Hứa-Phổ trước còn khiêm tốn không dám nhận lễ, sau thấy anh khuyên-bảo nên ra làm quan, bèn từ biệt anh chị, theo sứ-giả đến Tràng-an, vào chầu Thiên-tử, Thiên-tử mừng mà hỏi rằng:

(1) Thú-mục là quan Phủ, quan Tỉnh bấy giờ.

Các người có phải là em Hứa-Võ không?

Muôn tâu, thần-đẳng chính là em Hứa-Võ.

Trẫm nghe nhà người có tiếng là nhà hiếu-hữu, mà các người lại hiếu-hữu hơn anh, trẫm lấy làm mừng lắm.

Muôn tâu, thần-đẳng, cha mẹ mất sớm, từ nhỏ nhờ anh dạy bảo nuôi-nấng, chỉ biết việc đi học, và việc đi cấy, chớ không có tài-năng gì cả, thần-đẳng thực là không bằng anh thần-đẳng muôn phần.

Thiên-tử lại khen là nết khiêm-nhượng, lập tức phong cho làm Nội-sử. Chưa đầy 5 năm, đều làm đến chức Cửu-khanh.

Một hôm, hai người tiếp được thư của anh gửi đến, mở ra xem.

Thư rằng:

«Kể thất-phu mà được nhà vua vời đến, làm quan thì làm đến chức Cửu-khanh, thế là vinh-quý cực-phẩm rồi.

«Hai họ Sơ có nói rằng: «Biết đủ không nhục, biết thôi không nguy.» Câu ấy đủ làm gương đó. Đã không tài-đức hơn người thì nên mau-mau mà lui bước, để lánh đường cho người hiền tài ra.»

Hai người xem thư, lập-tức dưng sớ từ chức. Thiên-tử trước còn không cho, sau thấy dâng sớ ba lần, kêu xin khẩn khoản lắm, thì ngài chiều lòng mà bỏ cho ra làm quan ngoài, để tiện khi qua lại thăm nom cửa nhà. Ngài lại ban-thưởng cho mỗi người 20 cân vàng, cho về nghỉ 3 tháng, để đến tận tình anh em với nhau.

Hai người lạy tạ, về đến quê nhà. Trước hết vào thăm anh chị, bao nhiêu vàng bạc của vua ban, đem cả ra dâng anh. Hứa-Võ nói: Của ấy là lộc nhà vua ban cho, của ai thì phải nhận lấy.» Hai người mới dám nhận lĩnh đem về.

Hôm sau, Hứa-Võ dùng lễ tam-sinh, đem hai em ra tế phần-mộ cha mẹ. Tế xong, mở tiệc rượu, mời hết bô-lão trong làng đến chơi.

Hứa-Võ nói với các bô-lão rằng:

Tôi có mấy nhời ruột gan, nhưng xin mời bô-lão uống cạn 3 chén rượu, rồi tôi mới dám nói.

Các bô-lão ai nấy đều uống cạn 3 chén rượu. Hứa-Võ lại

sai hai em mời các lão mỗi người một chén. Các lão cũng mời lại 3 anh em Hứa-Võ.

Uống rượu đầu đầy, các lão đều lắng tai, chờ nghe Hứa-Võ nói làm sao. Hứa-Võ chưa kịp nói, đã ứa hai hàng nước mắt. Các bô-lão đều ngạc nhiên, không biết vì cớ gì.

Hai em vội vàng quỳ xuống mà hỏi rằng:

Kha-kha có điều gì mà bị thương làm vậy?

Hứa-Võ nói:

Tâm sự của ta, chứa để trong bụng đã lâu, hôm nay không nói không được.

Rồi lại chỉ vào hai em mà nói rằng:

Chỉ vì hai em, chưa có danh-dự gì, để ta phải làm nên việc trái lẽ, mang tiếng xấu với đời, nhục đến tổ-tôn để cho làng mạc chê cười, cho nên ta tủi mà phải khóc.

Nói đoạn đưa ra một quyển sổ cho các bô-lão xem. Trong quyển sổ ấy biên hết ruộng nương cửa nhà và sổ chi thu tiền thóc mấy năm nay.

Hứa-Võ nói rằng:

Ta khi xưa dạy bảo hai em, cũng muốn cho anh em đều được dương-danh hiển-thân. Không ngờ cái hư-danh của ta đồn-đại ra ngoài, lại hiển-đạt trước. Hai em ở nhà học hành nết na cũng khá, mà không thấy châu-huyện tiến cử. Ta muốn tự ta tiến hai em thì lại ẽ người ta không biết, tưởng là vì ta mà lại hai em mới được hiển-đạt, làm thiệt mất danh giá của hai em. Vậy nên ta làm ra việc chia cửa, chiếm giữ lấy phần hơn. Ta cũng biết 2 em cũng có lòng cung kính, chắc là không tranh cạnh. Nên ta tạm thì đội lấy tiếng tham-lam, mà để cho hai em được tỏ ra cái nết khiêm-nhượng quả nhiên được làng mạc công bình nghị-luận mà lên tới con đường hiển-vinh. Nay các em làm đến công-khanh thì chỉ ta cũng đã thoả rồi. Còn như vườn ruộng cửa nhà, đều là của chung có lẽ nào ta hưởng một mình? Mấy năm nay sinh lợi ra bao nhiêu, ta đã biên hết trong sổ, không dám dùng bậy một ly nào, nay ta lại giao giả hai em, để tỏ cái tâm-tích của ta. Các bô-lão đến bấy giờ mới biết việc chia của

là một việc khỗ-tâm của Hứa-Võ, ai nấy nức nở khen thầm.

Hứa-Yên, Hứa-Phổ thì khóc mà nói rằng: Các em được nhờ kha-kha dạy bảo nên người mới có ngày nay vinh-hiến. Không ngờ kha-kha dụng tâm như thế, thực là lỗi ở các em không ra gì, đến nỗi để kha-kha mang tiếng.

Nếu kha-kha không nói rõ, thì các em vẫn u mê không biết gì. Nay của cải ấy, vốn là của kha-kha làm nên, xin kha-kha cứ việc quản lĩnh. Các em cơm áo đã đủ, không dám phiền đến kha-kha phải lo.

Hứa-Võ nói rằng:

Các em được như kha-kha dạy bảo nên người, anh dạy làm ruộng đã lâu, và lại lương bổng làm quan cũng còn có thể đủ di-dưỡng trong cảnh già được. Hai em còn đương trẻ tuổi và đang làm quan, phải cần có tư-sản, mới giữ được tiết thanh-liêm.

Hai em nói rằng:

Kha-kha đã vì hai em mà ô-danh, các em đã được danh liếng, lại muốn được của nữa, chẳng hoá ra các em là đũa tham-lam lắm ru? Như thế chẳng những là nhục đến tổ-tôn, và lại nhục đến kha-kha nữa. Vậy xin kha-kha thu lấy sổ-sách để các em được hả lòng.

Các bô-lão thấy anh em cứ nhường nhịn nhau mãi, không ai chịu nhận, bèn đổ ra khuyên can, rồi chia dỡ ra làm ba phần đều nhau mà nói rằng:

Chúng tôi làm thế này là rất công bình rồi nếu ai còn đưa đẩy không nhận, tức là người kiêu-tinh mua danh, ba anh em Hứa-Võ phải nghe lời các bô-lão thì lễ tạ ọn, rồi tiệc tan đâu về đấy.

Hứa-Võ vẫn còn áy-náy về việc chia của khi trước. Bèn chọn lấy một nửa ruộng đất, lập làm nghĩa-trang để cấp cho làng mạc. Hai em cũng đều giúp thêm của cho anh để làm cho thành việc phúc đức.

Bởi thế trong làng lại càng phục lắm, họ lại có mấy câu ca rằng:

«Võ kia mới thực hiểu-liêm,

«Ai hay nổi gót, hai em đó mà!

«Anh em thảo thuận một nhà,

«Nghĩa-trang kia lại lập ra cứu bần.

«Than ôi đức hạnh, tuyệt luân!...»

Hai em nghỉ nhà hết hai tháng, không nỡ biệt anh mà đi, muốn nộp giả cáo-sắc từ chức. Hứa-Võ khuyên em, phải vâng mệnh vua mà ra làm quan. Hai em bất đắc-dĩ, bèn đem vợ con phó ly. Tiếng hiếu-hữu nhà Hứa-Võ lại càng lừng lẫy? nhà vua sai quan đến tỉnh biểu lên cửa gọi là: «Hiếu để lý».

Hai em làm quan không bao lâu, rồi dề từ quan tri-sĩ, anh em vui chơi sơn-thủy, hưởng-phúc thanh-nhàn với nhau, đều thọ đến 80, 90 tuổi. Con cháu nhà ấy, về sau rất thịnh vượng.

T. C. Đ. Đ. BƯU-VÂN

Từ-sơn NGUYỄN-VĂN-TUÂN sao lục

NHÀN-ĐÀM

(Ngụ ngôn)

Ngựa của quan và trâu của dân

Một con ngựa bạch đi đê về, thả cương chạy tể từ trong dinh ra đồng ăn cỏ. Ngựa gặp một con trâu mình lấm đầy bùn nghênh-ngang đôi xừng, vừa ăn vừa đuổi muỗi.

Trông thấy trâu xấu-xí, ngựa có ý khinh, bèn trợn mắt dơ vó ngoạc miệng mắng rằng: «Quân dân hèn mới lão! mày không biết tao là người nhà quan à! bước ngay, mày dám cùng tao ăn cùng bãi cỏ à!!!!»

Trâu liền lui ba bước xuống mé ruộng, khe-khẽ đáp rằng: «Trông thấy cổ đeo nhạc, lưng đeo yên, tôi đã đủ biết ngài là người nhà quan, ra vào chốn công môn; song, vô-tiểu nhân bất thành quân-tử, tôi vẫn đành chịu thấp kém ở nơi cỏ nội, trắng ngàn, dám đâu so-sánh cùng ngài, mà ngài đã vội nóng làm vậy! Nói tóm lại thì ngài cùng tôi đều là vật cưỡi của loài người trong cái xã-hội bách-thú này địa-vị ngài chưa lấy gì làm cao thượng!»

Ngựa nổi nóng: «Quân này lão thực, mày định giở nghĩa-lý ra dạy tao ru! ngựa vừa gắt vừa có cẳng xông lại đá trâu, chẳng may á-giả ác-bạo, sừng trâu xóc ngay vào đùi ngựa, máu chảy lênh-láng cút một mạch thẳng về chuồng.